|  |  |
| --- | --- |
| ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 8  **TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ NHÂN TÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
| Số: 66 /KH-LNT | *Quận 8, ngày 20 tháng 9 năm 2024* |

**KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG**

**Năm học 2024-2025**

**I. Căn cứ xây dựng kế hoạch**

**- Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018** của Bộ giáo dục và Đào tạo ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông;

- Công văn 2345/BGDĐT- GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường cấp tiểu học;

- Công văn 1910/SGDĐT-GDTH ngày 24 tháng 04 năm 2023 của Sở Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục Stem trong giáo dục Tiểu học;

- Quyết định số 3757/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về Ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn Quận 8;

- Kế hoạch số 111/KH-PGDĐT ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 về thực hiện nhiệm vụ giáo dục tiểu học năm học 2024-2025;

- Công văn số 1223/PGDĐT ngày 20 tháng 9 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 về hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2024-2025.

- Căn cứ tình hình thực tế, Trường Tiểu học Lý Nhân Tông xây dựng Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

**II. Điều kiện thực hiện chương trình năm học 2024-2025**

**1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội địa phương**

Trường Tiểu học Lý Nhân Tông nằm trên địa bàn Phường 9 Quận 8.

Nền kinh tế chủ yếu của Phường 9 trong những năm qua là buôn bán và lao động phổ thông. Ngoài ra một số ít là thợ thủ công.

Cùng với sự phát triển về kinh tế, xã hội nên trong những năm qua, đời sống của nhân dân đã nâng lên rõ rệt, sự nghiệp giáo dục của phường cũng được quan tâm và thúc đẩy mạnh mẽ về cả quy mô lẫn chất lượng ở cả 3 cấp học (Mầm non - Tiểu học - Trung học cơ sở). Huy động được trẻ em trong độ tuổi đến trường, đến lớp đạt tỷ lệ cao, kết quả hoàn thành bậc tiểu học đạt 100% trong nhiều năm liền.

**2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2024-2025**

Trường Tiểu học Lý Nhân Tông Quận 8 được thành lập theo Quyết định số 4274/QĐ-UBND ngày 09 tháng 7 năm 2013 của Ủy ban nhân dân Quận 8. Tổng diện tích trường là 2446,9 m2 gồm 01 trệt, 02 lầu, tọa lạc tại số 575-577 đường Hưng Phú, Phường 9, Quận 8.

Nhiều năm qua, nhà trường luôn nhận được sự quan tâm của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh, Quận ủy-Ủy ban nhân dân Quận 8, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8. Cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đoàn kết, nêu cao tinh thần trách nhiệm, phấn đấu vì nhiệm vụ chung. Chi bộ được thành lập ngày 21 tháng 4 năm 2011 với tên gọi là Chi bộ Cấp I Trường Phổ thông cơ sở Hưng Phú A. Đến ngày 09 tháng 8 năm 2013, chi bộ được đổi tên thành Chi bộ Trường Tiểu học Lý Nhân Tông; tổng số đảng viên hiện nay là 18. Chi bộ đạt danh hiệu “Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ” liên tục từ năm 2019 đến năm 2023. Công đoàn, Chiđoàn, Đội Thiếu niên Tiền phong Hồ Chí Minh đạt danh hiệu “Vững mạnh xuất sắc” nhiều năm liền.

Để có cơ sở vật chất, trang thiết bị tương đối đầy đủ phục vụ tốt cho việc dạy và học, nhà trường đã phát huy vai trò tham mưu với cấp ủy chính quyền địa phương, đẩy mạnh công tác xã hội hóa giáo dục. Các ban ngành đoàn thể địa phương luôn quan tâm hỗ trợ nhà trường về mọi mặt. Ban đại diện cha mẹ học sinh nhiệt tình trong việc phối hợp với nhà trường giáo dục học sinh.

Nhà trường luôn chú trọng tạo môi trường giáo dục an toàn, tràn đầy tình yêu thương; mỗi trẻ đều được chăm sóc chu đáo, được tôn trọng, được vui vẻ thể hiện bản thân từ đó hình thành tính cách tự lập, bản lĩnh, suy nghĩ độc lập và biết cách ứng xử trong xã hội.

Nhà trường đã xây dựng được đội ngũ cán bộ, giáo viên, nhân viên có phẩm chất đạo đức, có lòng yêu nghề, giỏi chuyên môn, nghiệp vụ.

Tạo mối liên kết toàn diện và vững chắc giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Trường Tiểu học Lý Nhân Tông luôn giữ vững danh hiệu tập thể lao động xuất sắc nhiều năm liền; năm 2023 được công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục Cấp độ 1 lần thứ 2.

**2.1. Đặc điểm học sinh của trường**

| **Khối lớp** | **Số lớp** | **Tổng số học sinh** | **Nữ** | **Dân tộc** | **Nữ DT** | **Học 2 buổi/ngày** | **Học bán trú** | | **Tỉ lệ học sinh/lớp** | **Học sinh có hoàn cảnh khó khăn** | **Học sinh khuyết tật** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Số lớp | Số HS |
| **1** | 4 | 130 | 62 | 9 | 6 | 130 | 3 | 74 | 32 |  | 2 (1) |
| **2** | 4 | 133 | 60 | 15 | 5 | 133 | 3 | 77 | 33 | 1 | 1 (1) |
| **3** | 5 | 168 | 84 | 13 | 8 | 168 | 3 | 101 | 33 | 5 | 1 |
| **4** | 4 | 162 | 78 | 12 | 7 | 162 | 2 | 82 | 40 | 3 |  |
| **5** | 4 | 159 | 71 | 14 | 6 | 159 | 2 | 63 | 40 | 2 | 1 |
| **Tổng cộng** | **21** | **752** | **355** | **63** | **32** | **752** | **13** | **397** |  | **11** | **5 (2)** |

**2.2. Tình hình đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nhân sự** | **Tổng số** | **Đảng viên** | **Nữ** | **Trình độ** | | | | | **Biên chế** | | **Hợp đồng** | **Thỉnh giảng** |
| **Trên ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Tr.C** |  | |  | |  |
| **BGH** | **2** | **2** | **2** | **2** |  |  |  | **2** | |  | |  |
| Hiệu  trưởng | 1 | 1 | 1 | 1 |  |  |  | 1 | |  | |  |
| **Nhân sự** | **Tổng số** | **Đảng viên** | **Nữ** | **Trình độ** | | | | | **Biên chế** | | **Hợp đồng** | **Thỉnh giảng** |
| **Trên ĐH** | **ĐH** | **CĐ** | **Tr.C** |  | |  | |  |
| PHT | 1 | 1 | 1 | 1 |  |  |  | 1 | |  | |  |
| **Giáo viên** | **29** | **14** | **24** |  | **28** | **1** |  | **29** | |  | |  |
| Nhiều môn | 25 | 13 | 21 |  | 24 | 1 |  | 25 | |  | |  |
| Thể dục | 1 |  | 1 |  | 1 |  |  | 1 | |  | |  |
| Âm nhạc | 1 | 1 |  |  | 1 |  |  | 1 | |  | |  |
| Mĩ thuật |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |
| Tin học |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |
| Tiếng Anh | 2 |  | 2 |  | 2 |  |  | 2 | |  | |  |
| TPT |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |
| **Nhân viên** | **14** | **2** | **11** |  |  | **1** | **2** | **3** | | **11** | |  |
| Kế toán | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 | 1 | |  | |  |
| Thủ quỹ |  |  |  |  |  |  |  |  | |  | |  |
| Y tế | 1 | 1 | 1 |  |  |  |  | 1 | |  | |  |
| Văn thư- học vụ | 1 |  | 1 |  |  |  | 1 |  | | 1 | |  |
| Thư viện – Thiết bị | 1 | 1 | 1 |  |  | 1 |  | 1 | |  | |  |
| Bảo vệ | 3 |  |  |  |  |  |  |  | | 3 | |  |
| Tạp vụ | 1 |  | 1 |  |  |  |  |  | | 1 | |  |
| Cấp dưỡng | 6 |  | 6 |  |  |  |  |  | | 6 | |  |

**2.3. Cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; điểm trường, lớp ghép; cơ sở vật chất thực hiện bán trú**

**2.3.1. Cơ sở vật chất**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phòng học** | **Phòng học bộ môn** | | **Khối phòng hành chính, quản trị** | **Thư viện** | **Thiết bị** | **Ghi chú** |
| **Tiếng Anh** | **Tin học** |
| 22 | 01 | 01 | 08 | 01 | 01 |  |

Trường có khuôn viên rộng rãi với diện tích 2446,9 m2, trong khuôn viên có nhiều cây xanh che bóng mát, đảm bảo xanh, sạch, đẹp, an toàn để tổ chức các hoạt động giáo dục. Khu vực sân chơi bằng phẳng, mát mẻ.

Trường hiện có 22 phòng học, 100% các phòng học được bố trí bàn ghế đúng tiêu chuẩn, đủ chỗ ngồi cho học sinh theo sĩ số lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị như: bảng từ, hệ thống đèn, quạt, các loại bảng biểu, tủ đựng hồ sơ và các thiết bị dạy học theo quy định. Lớp học đầy đủ ánh sáng, thoáng mát, trang trí đảm bảo tính thẩm mỹ và thân thiện. Để phục vụ công tác dạy và học, nhà trường trang bị mỗi phòng học đều có 01 ti vi thông minh đối với khối lớp 3,4,5, riêng khối lớp 1,2 thì 02 phòng học sử dụng chung 01 ti vi. Ngoài ra, nhà trường có 01 phòng học ngoại ngữ và 01 phòng vi tính được trang bị máy lạnh.

Ngoài các phòng học, trường còn có các phòng chức năng có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý, khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động nhà trường: 01 phòng tin học (30 máy có kết nối internet), với các thiết bị tương tác hiện đại. Phòng thiết bị giáo dục được trang bị đầy đủ các thiết bị cần thiết. Thư viện trường đã được đầu tư theo hướng xanh, thân thiện, hiện đại và đạt tiêu chuẩn Thư viện xuất sắc.

Khối phòng hành chính quản trị có đầy đủ các thiết bị, được sắp xếp hợp lý,  
khoa học và hỗ trợ hiệu quả các hoạt động của nhà trường, có các phòng: phòng Hiệu trưởng, phòng Phó hiệu trưởng, phòng Văn thư; phòng Hội đồng; phòng Y tế; phòng Tài vụ; phòng Đoàn Đội, phòng Bảo vệ.

Trường không có khu bếp, nhà ăn, phòng nghỉ riêng cho học sinh bán trú nên một số hoạt động giáo dục kỹ năng khi tổ chức công tác bán trú còn hạn chế.

Nhiều năm liên tục, nhà trường phối hợp với công ty cung cấp suất ăn công nghiệp Tường Mai để cung cấp suất ăn cho học sinh và tổ chức ăn trưa tại sảnh lầu 1, nghỉ trưa tại phòng học của các lớp bán trú.

**2.3.2. Thiết bị dạy học**

Nhà trường đã đầu tư mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định của Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT. Trường trang bị đầy đủ sách giáo khoa, tài liệu tham khảo, thiết bị, đồ dùng dạy học tối thiểu cho 100% giáo viên theo khối lớp được phân công. Ngoài ra, trường còn trang bị thêm sách giáo khoa, tài liệu tham khảo lưu tại thư viện cho giáo viên học tập, nghiên cứu, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy và giáo dục học sinh.

**III. Mục tiêu giáo dục năm học 2024-2025**

**1. Mục tiêu chung: Chủ đề năm học 2024-2025 *“Kỷ cương trách nhiệm, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số nhằm nâng cao chất lượng giáo dục và đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh”***

1.1. Mục tiêu của nhà trường là hoàn thành nhiệm vụ năm học, góp phần cùng địa phương trong thực hiện công tác phổ cập giáo dục; các hoạt động giáo dục đều hướng đến mục tiêu lấy học sinh làm trung tâm; tạo điều kiện cho học sinh phát huy tối đa tư duy sáng tạo, tự tin khẳng định giá trị bản thân và làm nên sự khác biệt.

1.2. Sứ mạng của nhà trường là thực hiện mục tiêu giáo dục tiểu học; tạo uy tín với nhân dân về chất lượng giáo dục; xây dựng cho học sinh cách nghĩ tích cực và kỹ năng sống cần thiết để làm chủ bản thân và hoà nhập cộng đồng.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 12 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Tiếp tục nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lý bảo đảm chất lượng dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên giáo viên, cán bộ quản lý theo chuẩn nghề nghiệp và chuẩn hiệu trưởng.

- Chú trọng trang bị, đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học; duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định của Luật Giáo dục 2019.

- Chú trọng đổi mới công tác quản lý, công khai chất lượng giáo dục tiểu học; khai thác, sử dụng sách giáo khoa (SGK), các nguồn học liệu, thiết bị dạy học hiệu quả, phù hợp thực tiễn; vận dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học nhằm phát triển phẩm chất, năng lực học sinh.

- Đẩy mạnh chuyển đổi số, thực hiện Đề án*“Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”*; ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo; tăng cường các kỹ năng ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học trực tuyến, kiểm tra, đánh giá; xây dựng Thư viện số.

- Tăng cường nền nếp, kỷ cương, nâng cao chất lượng, hiệu quả các hoạt động giáo dục tại đơn vị. Chú trọng kết hợp dạy chữ với dạy người, giáo dục ý thức, trách nhiệm của công dân đối với gia đình - nhà trường - xã hội cho học sinh tiểu học.

- Nâng cao hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục; thực hiện quy trình tự đánh giá theo hướng dẫn của Sở GD&ĐT và kế hoạch của Phòng GD&ĐT, báo cáo kết quả tự đánh giá đúng thời gian quy định.

**2. Chỉ tiêu cụ thể**

|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung** | | **Kết quả**  **NH 2023**-**2024** | **Chỉ tiêu**  **NH 2024**-**2025** | **Ghi chú** |
| **Chỉ tiêu chung của nhà trường** | Trẻ 6 tuổi vào học lớp 1 | 100% | 100% |  |
| Học sinh được học 02 buổi/ngày | 100% | 100% |  |
| Học sinh từ 6 tuổi được học tiếng Anh | 100% | 100% |  |
| Duy trì và đảm bảo chất lượng phổ cập Giáo dục tiểu học | 100% | 100% |  |
| Học sinh có phẩm chất, năng lực đạt trở lên | 100% | 100% |  |
| Học sinh hoàn thành chương trình lớp học (Không tính học sinh kiểm tra lại, học sinh khuyết tật học hòa nhập - có hồ sơ, có giấy chứng nhận) | 100% | 100% |  |
| Học sinh hoàn thành chương trình tiểu học | 100% | 100% |  |
| Duy trì sĩ số | 100% | 100% |  |
| Hiệu suất đào tạo | 100% | 100% |  |
| **Chất lượng giáo dục** | Các môn học và hoạt động giáo dục: Tính trung bình các môn học | + Hoàn thành: 100% | + Hoàn thành: 100% |  |
| Về năng lực | Đạt: 100% | Đạt: 100% |  |
| Về phẩm chất | Đạt: 100% | Đạt: 100% |  |
| Các phong trào hoạt động ngoại khóa | Có học sinh đạt giải phong trào | Có học sinh đạt giải phong trào |  |
| **Chất lượng đội ngũ giáo viên** | Giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp trường | (6/26)  23,07% | (7/28)  25% |  |
| Giáo viên dạy giỏi, chủ nhiệm giỏi cấp Quận | (3/26)  11,5% | (4/28)  14,29% |  |
| Giáo viên dạy giỏi cấp TP | (1/26)  3,85% |  |  |
| **Danh hiệu thi đua** | LĐTT | 100% | 100% |  |
| CSTĐ cơ sở | (4/32) 12,5% | (5/33) 15,15% |  |
| Chi bộ | Hoàn thành xs nhiệm vụ | Hoàn thành xs nhiệm vụ |  |
| Tập thể | Hoàn thành xs nhiệm vụ | Hoàn thành xs nhiệm vụ |  |
| Công đoàn | Hoàn thành tốt nhiệm vụ | Hoàn thành tốt nhiệm vụ |  |
| Chi đoàn | Hoàn thành xs nhiệm vụ | Hoàn thành xs nhiệm vụ |  |
| Liên đội | Liên đội xs | Liên đội xs |  |

**IV. Tổ chức các môn học và hoạt động giáo dục trong năm học**

**1. Phân phối thời lượng các môn học và hoạt động giáo dục**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Nội dung giáo dục** | **Lớp 1** | | | **Lớp 2** | | | **Lớp 3** | | | **Lớp 4** | | | **Lớp 5** | | |
| **HK1** | **HK2** | **Cả năm** | **HK1** | **HK2** | **Cả năm** | **HK1** | **HK2** | **Cả năm** | **HK1** | **HK2** | **Cả năm** | **HK1** | **HK2** | **Cả năm** |
| **1. Môn học bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | |
| Tiếng Việt | 216 | 204 | **420** | 180 | 170 | **350** | 126 | 119 | **245** | 126 | 119 | **245** | 126 | 119 | **245** |
| Toán | 54 | 51 | **105** | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 | **175** |
| Ngoại ngữ 1: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| TA theo CT |  |  |  |  |  |  | 72 | 68 | **140** | 72 | 68 | **140** | 72 | 68 | 140 |
| Tiếng Pháp | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | / | / | / | / | / | / | / |
| TATH | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | / | / | / | / | / | / | / |
| TATC | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | / | / | / | / | / | / | / |
| TAĐA | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** |
| Đạo đức | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |
| TNXH | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | / | / | **/** | / | / | **/** |
| Lịch sử và Địa lý | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** |
| Khoa học | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** |
| Công nghệ |  |  |  |  |  |  | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |
| Tin học | / | / | **/** | / | / | **/** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |
| GDTC – Thể dục | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** |
| Nghệ thuật | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** | 36 | 34 | **70** |
| **2. Hoạt động giáo dục bắt buộc** | | | | | | | | | | | | | | | |
| HĐTN -  HĐTT -  HĐNGLL | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** |

**3. Môn học tự chọn**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngoại ngữ 1: |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tiếng Pháp | / | / | / | / | / | / | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** |
| TATC | 90 | 85 | **175** | 90 | 85 | **175** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** | 54 | 51 | **105** |
| TATH | / | / | / | / | / | / | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** |
| TAĐA | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** | / | / | **/** |
| Tin học | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |

**4. Hoạt động củng cố, tăng cường**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| KNS | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |
| CLB NK | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |
| HĐGD STEM | / | / | **/** | / | / | **/** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** | 18 | 17 | **35** |

**2. Các hoạt động giáo dục tập thể và theo nhu cầu người học**

**2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Chủ điểm** | **Nội dung trọng tâm** | **Hình thức tổ chức** | **Thời gian thực hiện** | **Người thực hiện** | **Lực lượng cùng tham gia** |
| Tháng 9 | Tháng an toàn giao thông và kỷ niệm quốc khánh 2/9 | - Ổn định nền nếp lớp.  - Phát động Nụ cười hồng đợt 1 ‘Cùng bạn đến trường”.  - Tổ chức cho học sinh học tập nội quy và nhiệm vụ năm học mới.  - Tổ chức lễ khai giảng, ngày hội “Toàn dân đưa trẻ đến trường”  - Tuyên truyền giáo dục truyền thống của nhà trường  - Triển khai chuyên đề tháng ATGT  - Thành lập đội nghi thức.  - Phát động phong trào “Đọc và làm theo báo Đội”.  - Thành lập Đội sao đỏ, các đội nhóm khác.  - Tổ chức “Vui hội trung thu”. Hội thi dán lồng đèn. | Toàn trường | Trong tháng 9 | - GVCN  - TPT  - TPT, GVCN  - TPT  - TPT, BTCĐ | Các đoàn thể trong trường |
| Tháng 10 | Truyền thống nhà trường | - Phát động phong trào “Cùng nhau đọc sách”.  - Phát động phong trào “Phân loại rác thải”.  - Phát động các lớp thực hiện hộp thư “Điều em muốn nói”.  - Tổ chức sinh hoạt ngày 20/10  - Tôn vinh phụ nữ Việt Nam, mẹ và cô giáo.  - Đại hội Chi đội – Liên đội Đội TNTP Hồ Chí Minh.  - Phát động phong trào “60 ngày em tăng gia nuôi heo đất vì biên giới, biển đảo”. | Dưới sân trường | Tháng 10 | - TPT | Các đoàn thể trong trường |
| Tháng 11 | Kỷ niệm ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11 | - Triển khai hoạt động chào mừng Ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11.  - Tổ chức giờ ra chơi trải nghiệm- sáng tạo.  - Tập huấn nâng cao năng lực thực hiện quyền trẻ em cho cán bộ Chỉ huy Đội và thiếu nhi nòng cốt.  - Tổ chức triển khai hoạt động hưởng ứng “Ngày thế giới tưởng niệm các nạn nhân tử vong vì tai nạn giao thông” | Sân trường | Tháng 11 | - TPT, BTCĐ, GVCN  - TPT  - TPT | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |
| Tháng 12 | Uống nước nhớ nguồn  Kỷ niệm “Ngày thành lập Quân đội Nhân dân Việt Nam” | - Sinh hoạt ngày quốc tế phòng chống HIV.  - Tổ chức hội thi Nghi thức-Nghi lễ Đội cấp Liên đội.  - Tổ chức thắp hương viếng nhà bia ghi tên Liệt sĩ. Nghe ôn lại truyền thống về Quân đội Nhân dân Việt Nam.  - Học tập theo gương anh bộ đội cụ Hồ. | - Viếng nghĩa trang liệt sĩ -Đình Bình Đông, nói chuyện truyền thống ngày quốc phòng toàn dân | Sáng 22/12 | Mời Cựu chiến binh tiêu biểu hay người phụ trách của đơn vị | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |
| Tháng 1,2 | Gìn giữ truyền thống văn hoá dân tộc | - Tìm hiểu nét đẹp truyền thống quê hương.  - Tổ chức các hoạt động Mừng Đảng-Mừng Xuân.  - Tổ chức chương trình “Xuân yêu thương” giúp bạn nghèo vui Tết.  - Phát động thực hiện phong trào kế hoạch nhỏ.  - Chăm sóc hoa kiểng đón Tết Nguyên Đán.  - Trang trí Trường lớp “Mừng Đảng, Mừng Xuân”.  - Sinh hoạt truyền thống văn hóa dân tộc và truyền thống Đảng quang vinh. | - Sinh hoạt tập thể, thi nghi thức đội, ca múa hát và các kỹ năng hoạt động Đội  - Tổ chức tập thể ngoài trời | Trong tháng 1 | - NV Thư viện  - TPT  -GVCN | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |
| Tháng 3 | Kỷ niệm ngày “Quốc tế Phụ nữ 8/3” và “Ngày thành lập Đoàn TNCS Hồ Chí Minh 26/3” | - Giáo dục lòng biết ơn bà, mẹ, cô giáo; giáo dục truyền thống uống nước nhớ nguồn.  - Triển khai hội thi sáng tác văn học.  - Tổ chức giờ ra chơi trải nghiệm-sáng tạo.  -Tổ chức Lễ kết nạp đội viên cho HS lớp 3.  - Tổ chức trò chơi dân gian ngày 26/3 chào mừng ngày sinh nhật Đoàn NCSHCM, tổ chức ngày hội “Thiếu nhi vui khỏe”.  - Tham gia hội thi Tin học trẻ. | - Tham gia thi giao lưu viết đúng viết đẹp. | Sáng 25/3 | - TPT, GV Âm nhạc  - TPT, GVCN  - TPT, GVL3  - TPT, BTCĐ | BGH, GVCN, GV, NV toàn trường |
| Tháng 4 | Kỷ niệm Ngày Giải phóng Miền Nam, thống nhất đất nước 30/4 | - Tổ chức hoạt động Giỗ tổ Hùng Vương.  - Tổ chức ngày hội đọc sách, cuộc thi tìm hiểu chiến thắng 30/4 lịch sử.  - Tổ chức sinh hoạt theo chủ đề ca ngợi vẻ đẹp quê hương đất nước và mừng ngày chiến thắng 30/4.  - Chương trình học từ thiên nhiên.  - Giáo dục lồng ghép "Phòng tránh tai nạn đuối nước" và tai nạn, thương tích trẻ em. | Toàn trường | Tháng 4 | - NV Thư viện  -TPT  - Đoàn viên  -TPT | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |
| Tháng 5 | Kỷ niệm “Ngày sinh Bác Hồ 19/5” và “Ngày thành lập Đội TNTP Hồ Chí Minh 15/5” | - Sinh hoạt kỉ niệm ngày sinh Bác Hồ 19/5.  - Các lớp tự chọn nội dung sinh hoạt theo chủ đề Bác hồ kính yêu.  - Tổ chức Lễ ra trường và Tri ân cho học sinh lớp 5.  - Tổng kết năm học.  - Thi tìm hiểu về Đội TNTP Hồ Chí Minh.  - Tiếp tục giáo dục về An toàn giao thông trong toàn Liên đội. | Toàn trường | Sáng 27/5 | - TPT  - GVCN    - GV K5  - TPT, BTCĐ  - TPT | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |
| Tháng 6,7 | Thiếu nhi vui khỏe | - Sinh hoạt kỉ niệm ngày Quốc tế thiếu nhi 01/6, ngày thương binh liệt sĩ 27/7 và triển khai cuộc vận động “ Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”.  - Giới thiệu sinh hoạt hè vui khỏe.  - Tuyên truyền, giáo dục phòng tránh tai nạn đuối nước và tham gia đưa học sinh đi học bơi do các cấp tổ chức. | Sinh hoạt hè | Trong tháng 6 | - TPT  -TPT | Các đoàn thể, giáo viên, nhân viên |

**2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học và trong thời gian bán trú tại trường**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Nội dung** | **Hoạt động** | **Đối tượng/quy mô** | **Thời gian** | **Địa điểm** | **Ghi chú** |
| 1 | Tổ chức ăn trưa | Ăn trưa | Học sinh bán trú | 10g55-11g10 | Sảnh tầng 1 |  |
| 2 | Văn hóa đọc | Đọc sách | Học sinh có nhu cầu | 11g10-11g25 | Thư viện-Khu vực đọc sách lưu động |  |
| 3 | Giải trí | Xem ti vi | Học sinh có nhu cầu | 11g10-11g25 | Sảnh tầng trệt |  |
| 4 | Trống kèn | Câu lạc bộ trống kèn của Đội | Học sinh có năng khiếu | 11g10-11g25 | Phòng Đoàn-Đội |  |
| 5 | Giải lao | Vui chơi tự do | Học sinh có nhu cầu | 11g10-11g20 | Sân trường |  |
| 6 | Vệ sinh cá nhân | Đánh răng, rửa mặt | Học sinh bán trú | 11g20-11g35 | Khu vực làm vệ sinh |  |
| 7 | Nghỉ ngơi | Ngủ trưa | Học sinh bán trú | 11g45-13g15 | Lớp học |  |
| 8 | Vệ sinh cá nhân | Thay đồ, chảy tóc | Học sinh bán trú | 13g15-13g30 | Lớp học |  |
| 9 | Aerobic | Câu lạc bộ năng khiếu | Học sinh nữ của  5 khối lớp | 15g45 -16g20  (các ngày trong tuần) | Sảnh Lầu 1 |  |
| 10 | Vovinam | Câu lạc bộ năng khiếu | Học sinh nam của  5 khối lớp | 15g45 -16g20  (các ngày trong tuần) | Sảnh Lầu 2 |  |

**3. Khung thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025 và kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục**

Thực hiện Quyết định 3757/QĐ-UBND ngày 14 tháng 8 năm 2024 của Ủy ban nhân dân Quận 8 về việc Ban hành Kế hoạch thời gian năm học 2024-2025 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông trên địa bàn Quận 8, cụ thể đối với giáo dục tiểu học:

Ngày tựu trường: Thứ Hai, ngày 19/8/2024 đối với học sinh lớp 1

Thứ Hai, ngày 26/8/2024 đối với học sinh lớp 2,3,4,5

Ngày khai giảng: 05/9/2024

Học kỳ I: Từ ngày 04/9/2024 đến ngày 10/01/2025 (gồm 18 tuần thực học, còn lại dành cho các hoạt động khác)

Học kỳ II: Từ ngày 13/01/2025 đến ngày 23/5/2025 (gồm 17 tuần thực học, 01 tuần xét duyệt hồ sơ)

Ngày bế giảng năm học: Từ ngày 26 đến 30/5/2025

Xét hoàn thành chương trình Tiểu học trước ngày 30/6/2025

Tại trường Tiểu học Lý Nhân Tông thời gian thực hiện chương trình năm học 2024-2025, cụ thể như sau:

**3.1. Đối với khối lớp 1**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Điều chỉnh kế hoạch Tuần** |
| Buổi | | Tiết | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | | 1 | HĐTN (SHDC) | Tiếng Anh (T1) | Toán | | HĐTN (SHCĐ) | Tiếng Việt (T11) | |  |  | Các ngày nghỉ lễ, các ngày nghỉ bất khả kháng, giao GV chủ động trong việc sắp xếp các bài đảm bảo nội dung  chương trình qui định |
| 2 | Đạo đức | Tiếng Anh (BN) | Tin học | | GDTC | Tiếng Việt (T12) | |  |  |
| 3 | Tiếng Việt (T1) | GDTC | **Tiếng Anh** | | Tiếng Việt (T7) | Tiếng Anh (T2) | |  |  |
| 4 | Tiếng Việt (T2) | Toán | **Tiếng Anh** | | Tiếng Việt (T8) | Mĩ thuật | |  |  |
| Chiều | | 1 | Toán | Tiếng Việt (T3) | Tiếng Việt (T5) | | Âm nhạc | Toán (b) | |  |  |
| 2 | Tiếng Việt (b) | Tiếng Việt (T4) | Tiếng Việt (T6) | | Tiếng Việt (T9) | HĐTN (SHL) | |  |  |
| 3 | TNXH | KNS | TNXH | | Tiếng Việt (T10) | CLB NK | |  |  |
| **Tổng số tiết/tuần** | | | 35 | | | | | | | | |  |
| **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | **Nội dung** | | | | | **Số lượng tiết học** | | | **Ghi chú** | | | |
| 1 | Tiếng Việt | | | | | 12 tiết/tuần | | |  | | | |
| 2 | Toán | | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 3 | Đạo đức | | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 4 | TNXH | | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 5 | Nghệ thuật | | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 6 | GDTC | | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 7 | Hoạt động trải nghiệm | | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 8 | Tiếng Anh tự chọn | | | | | 05 tiết/tuần | | |  | | | |
| 9 | Tin học tự chọn | | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 11 | Kỹ năng sống | | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 12 | Câu lạc bộ năng khiếu | | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 14 | Tiếng Việt, Toán tăng cường | | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 15 | Sinh hoạt chuyên môn | | | | | 02 tuần/lần | | | Thứ sáu sau giờ học chính khóa | | | |
| 16 | Các ngày nghỉ trong năm | | | | |  | | | 2/9; ĐHVC (1 buổi); 01/01; Tết Nguyên đán; Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 01/5 | | | |
| 17 | **Tổng số tiết học kỳ I:** | | | | | 630 | | | | | | |
| 18 | **Tổng số tiết học kỳ II** | | | | | 595 | | | | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 1

*(Đính kèm phụ lục Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối l)*

**3.2. Đối với khối lớp 2**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Điều chỉnh kế hoạch Tuần** |
| Buổi | Tiết học | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | 1 | | HĐTN (SHDC) | Tiếng Việt (T3) | **Tiếng Anh** | | Tiếng Việt (T7) | Tiếng Việt (T9) | |  |  | Các ngày nghỉ lễ, các ngày nghỉ bất khả kháng, giao GV chủ động trong việc sắp xếp các bài đảm bảo nội dung chương trình qui định |
|  | 2 | | Đạo đức | Tiếng Việt (T4) | Tiếng Anh (BN) | | Tiếng Việt (T8) | Tiếng Việt (T10) | |  |  |
|  | 3 | | Tiếng Việt (T1) | Tiếng Anh (T1) | GDTC | | GDTC | Tin học | |  |  |
|  | 4 | | Tiếng Việt (T2) | Tiếng Anh (T2) | Tiếng Việt (T5) | | Toán | Toán | |  |  |
| Chiều | 1 | | Mĩ thuật | Toán | Tiếng Việt (T6) | | Tiếng Việt (b) | HĐTN (SHCĐ) | |  |  |
| 2 | | Toán | TNXH | KNS | | Toán (b) | HĐTN (SHL) | |  |  |
| 3 | | CLB NK | Âm nhạc | Toán | | TNXH | **Tiếng Anh** | |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 | | | | | | | | |  |
| **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | | **Số lượng tiết học** | | | **Ghi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | | 10 tiết/tuần | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | | 05 tiết/tuần | | |  | | | |
| 3 | | Đạo đức | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 4 | | TNXH | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 5 | | Nghệ thuật | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 6 | | GDTC | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 7 | | Hoạt động trải nghiệm | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 8 | | Tiếng Anh tự chọn | | | | 05 tiết/tuần | | |  | | | |
| 9 | | Tin học tự chọn | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 11 | | Kỹ năng sống | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 12 | | Câu lạc bộ năng khiếu | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 14 | | Tiếng Việt, Toán tăng cường | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 15 | | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 02 tuần/lần | | | Thứ hai sau giờ học chính khóa | | | |
| 16 | | Các ngày nghỉ trong năm | | | |  | | | 2/9; ĐHVC (1 buổi); 01/01; Tết Nguyên đán; Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 01/5 | | | |
| 17 | | **Tổng số tiết học kỳ I:** | | | | 630 | | | | | | |
| 18 | | **Tổng số tiết học kỳ II** | | | | 595 | | | | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 2

*(Đính kèm phụ lục Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 2)*

**3.3. Đối với khối lớp 3**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Điều chỉnh kế hoạch Tuần** |
| Buổi | Tiết học | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | 1 | | HĐTN (SHDC) | Tiếng Việt (T3) | Tiếng Việt (T5) | | Toán | Tiếng Việt (T7) | |  |  | Các ngày nghỉ lễ, các ngày nghỉ bất khả kháng, giao GV chủ động trong việc sắp xếp các bài đảm bảo nội dung chương trình qui định |
|  | 2 | | Đạo đức | Tiếng Việt (T4) | Tiếng Việt (T6) | | HĐTN (SHCĐ) | Toán | |  |  |
|  | 3 | | Tiếng Việt (T1) | Toán | Toán | | GDTC | TNXH | |  |  |
|  | 4 | | Tiếng Việt (T2) | Tin học | GDTC | | HĐGD STEM | Công nghệ | |  |  |
| Chiều | 1 | | Toán | Tiếng Anh (T1) | TNXH | | Tiếng Anh (T4) | KNS | |  |  |
| 2 | | Âm nhạc | Tiếng Anh (T2) | Tiếng Anh (BN) | | **Tiếng Anh** | Tin học | |  |  |
| 3 | | **Tiếng Anh** | CLB NK | Tiếng Anh (T3) | | Mĩ thuật | HĐTN (SHL) | |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 35 | | | | | | | | |  |
| **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | | **Số lượng tiết học** | | | **Ghi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | | 07 tiết/tuần | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | | 05 tiết/tuần | | |  | | | |
| 3 | | Đạo đức | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 4 | | TNXH | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 5 | | Nghệ thuật | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 6 | | GDTC | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 7 | | Công nghệ | | | | 01 tiết/ tuần | | |  | | | |
| 8 | | Hoạt động trải nghiệm | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 9 | | Tiếng Anh | | | | 04 tiết/tuần | | |  | | | |
| 10 | | Tin học | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 11 | | Tin học tự chọn | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 12 | | Tiếng Anh tự chọn | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 13 | | Kỹ năng sống | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 14 | | Câu lạc bộ năng khiếu | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 15 | | HĐGD Stem | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 16 | | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 02 tuần/lần | | | Thứ hai sau giờ học chính khóa | | | |
| 17 | | Các ngày nghỉ trong năm | | | |  | | | 2/9; ĐHVC (1 buổi); 01/01; Tết Nguyên đán; Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 01/5 | | | |
| 18 | | **Tổng số tiết học kỳ I:** | | | | 630 | | | | | | |
| 19 | | **Tổng số tiết học kỳ II** | | | | 595 | | | | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 3

*(Đính kèm phụ lục Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 3)*

**3.4. Đối với khối lớp 4**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Điều chỉnh kế hoạch Tuần** |
| Buổi | Tiết học | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | 1 | | HĐTN (SHDC) | Tiếng Việt (T3) | Tiếng Việt (T5) | | Toán | Tiếng Việt (T7) | |  |  | Các ngày nghỉ lễ, các ngày nghỉ bất khả kháng, giao GV chủ động trong việc sắp xếp các bài đảm bảo nội dung chương trình qui định |
|  | 2 | | Đạo đức | Tiếng Việt (T4) | Tiếng Việt (T6) | | Tiếng Anh (T3) | Toán | |  |  |
|  | 3 | | Tiếng Việt (T1) | GDTC | Tiếng Anh (T1) | | Tin học | Khoa học | |  |  |
|  | 4 | | Tiếng Việt (T2) | Toán | Tiếng Anh (T2) | | Âm nhạc | Công nghệ | |  |  |
| Chiều | 1 | | Tin học | **Tiếng Anh** | Toán | | Sử - Địa | KNS | |  |  |
| 2 | | GDTC | **Tiếng Anh** | HĐTN (SHCĐ) | | Tiếng Anh (T4) | Sử - Địa | |  |  |
| 3 | | Toán | Khoa học | Mĩ thuật | | Tiếng Anh (BN) | HĐTN (SHL) | |  |  |
|  | |  |  | CLB NK | | HĐGD STEM |  | |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 37 | | | | | | | | |  |
| **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | | **Số lượng tiết học** | | | **Ghi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | | 07 tiết/tuần | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | | 05 tiết/tuần | | |  | | | |
| 3 | | Đạo đức | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 4 | | Khoa học | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 5 | | Nghệ thuật | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 6 | | GDTC | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 7 | | Công nghệ | | | | 01 tiết/ tuần | | |  | | | |
| 8 | | Hoạt động trải nghiệm | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 9 | | Lịch sử - Địa lí | | | | 02 tiết/ tuần | | |  | | | |
| 10 | | Tiếng Anh | | | | 04 tiết/tuần | | |  | | | |
| 11 | | Tin học | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 12 | | Tin học tự chọn | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 13 | | Tiếng Anh tự chọn | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 14 | | Kỹ năng sống | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 15 | | Câu lạc bộ năng khiếu | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 16 | | HĐGD Stem | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 17 | | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 02 tuần/lần | | | Thứ hai sau giờ học chính khóa | | | |
| 18 | | Các ngày nghỉ trong năm | | | |  | | | 2/9; ĐHVC (1 buổi); 01/01; Tết Nguyên đán; Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 01/5 | | | |
| 19 | | **Tổng số tiết học kỳ I:** | | | | 666 | | | | | | |
| 20 | | **Tổng số tiết học kỳ II** | | | | 629 | | | | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 4

*(Đính kèm phụ lục Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 4)*

**3.5. Đối với khối lớp 5**

a) Thời gian tổ chức các hoạt động giáo dục theo tuần/tháng trong năm học và số lượng tiết học các môn học, hoạt động giáo dục thực hiện theo tuần trong năm học.

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **THỜI GIAN** | | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | | **Ngày/tháng** | **Ngày/tháng** | **Điều chỉnh kế hoạch Tuần** |
| Buổi | Tiết học | | Thứ 2 | Thứ 3 | Thứ 4 | | Thứ 5 | Thứ 6 | | Thứ 7 | Chủ nhật |
| Sáng | 1 | | HĐTN (SHDC) | Tiếng Việt (T3) | Tiếng Anh (T3) | | **Tiếng Anh** | Tiếng Việt (T7) | |  |  | Các ngày nghỉ lễ, các ngày nghỉ bất khả kháng, giao GV chủ động trong việc sắp xếp các bài đảm bảo nội dung chương trình qui định |
|  | 2 | | Đạo đức | Tiếng Việt (T4) | Tiếng Anh (T4) | | **Tiếng Anh** | Âm nhạc | |  |  |
|  | 3 | | Tin học | Toán | Tiếng Việt (T5) | | Toán | GDTC | |  |  |
|  | 4 | | Toán | Mĩ thuật | Tiếng Việt (T6) | | Khoa học | Toán | |  |  |
|  | 1 | | Tiếng Việt (T1) | Khoa học | Toán | | GDTC | KNS | |  |  |
| 2 | | Tiếng Việt (T2) | Tiếng Anh (BN) | Sử - Địa | | Tin học | Sử - Địa | |  |  |
| 3 | | Tiếng Anh (T1) | Tiếng Anh (T2) | Công nghệ | | HĐTN (SHCĐ) | HĐTN (SHL) | |  |  |
|  |  | |  |  | HĐGD STEM | | CLB NK |  | |  |  |  |
| Tổng số tiết/tuần | | | 37 | | | | | | | | |  |
| **TỔNG HỢP** | | | | | | | | | | | | |
| **TT** | | **Nội dung** | | | | **Số lượng tiết học** | | | **Ghi chú** | | | |
| 1 | | Tiếng Việt | | | | 07 tiết/tuần | | |  | | | |
| 2 | | Toán | | | | 05 tiết/tuần | | |  | | | |
| 3 | | Đạo đức | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 4 | | Khoa học | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 5 | | Nghệ thuật | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 6 | | GDTC | | | | 02 tiết/tuần | | |  | | | |
| 7 | | Công nghệ | | | | 01 tiết/ tuần | | |  | | | |
| 8 | | Hoạt động trải nghiệm | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 9 | | Lịch sử - Địa lí | | | | 02 tiết/ tuần | | |  | | | |
| 10 | | Tiếng Anh | | | | 04 tiết/tuần | | |  | | | |
| 11 | | Tin học | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 12 | | Tin học tự chọn | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 13 | | Tiếng Anh tự chọn | | | | 03 tiết/tuần | | |  | | | |
| 14 | | Kỹ năng sống | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 15 | | Câu lạc bộ năng khiếu | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 16 | | HĐGD Stem | | | | 01 tiết/tuần | | |  | | | |
| 17 | | Sinh hoạt chuyên môn | | | | 02 tuần/lần | | | Thứ hai sau giờ học chính khóa | | | |
| 18 | | Các ngày nghỉ trong năm | | | |  | | | 2/9; ĐHVC (1 buổi); 01/01; Tết Nguyên đán; Giỗ tổ Hùng Vương, 30/4 và 01/5 | | | |
| 19 | | **Tổng số tiết học kỳ I:** | | | | 666 | | | | | | |
| 20 | | **Tổng số tiết học kỳ II** | | | | 629 | | | | | | |

b) Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối lớp 5

*(Đính kèm phụ lục Kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục khối 5)*

**V. Giải pháp thực hiện**

1. Thực hiện các giải pháp bảo đảm an toàn trường học

Nhà trường tiếp tục duy trì vệ sinh môi trường và các phương án bảo đảm sức khỏe cho cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên, học sinh; chủ động các phương án tổ chức dạy học theo các hình thức linh hoạt, phù hợp với tâm sinh lí học sinh đề phòng trường hợp xảy ra thiên tai, dịch bệnh; kiểm tra, rà soát, đánh giá lại chất lượng các công trình trường học, lập kế hoạch và thực hiện việc bảo trì công trình theo quy định; không đưa vào sử dụng các công trình đã hết niên hạn sử dụng, không bảo đảm an toàn theo quy định khi chưa được cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

- Tiếp tục tổ chức triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ về giáo dục đạo đức, lối sống, kỹ năng sống cho học sinh, xây dựng văn hóa học đường; công tác xã hội, công tác tư vấn tâm lí cho học sinh trong trường học, công tác bảo đảm môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường, xây dựng trường học hạnh phúc.

**2.** **Thực hiện chương trình, kế hoạch giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương**

2.1. Xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường để chủ động, linh hoạt thực hiện và hoàn thành chương trình năm học

Nhà trường xây dựng kế hoạch giáo dục, kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn tại Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07 tháng 6 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Kế hoạch số 154/KH-PGDĐT ngày 28/8/2023 và Công văn số 887/PGDĐT ngày 28/8/2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 về Hướng dẫn chuyên môn cấp Tiểu học năm học 2023-2024; bố trí thời gian thực hiện chương trình đảm bảo tính khoa học, sư phạm, không gây áp lực đối với học sinh; linh hoạt trong tổ chức thực hiện dạy học các môn học, hoạt động giáo dục phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, nhà trường và đối tượng học sinh, bảo đảm cuối năm học đạt được yêu cầu cần đạt theo quy định của chương trình.

2.2. Thực hiện chương trình giáo dục phổ thông

Thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông theo các văn bản hướng dẫn chuyên môn đối với cấp tiểu học đã được các cấp ban hành[[1]](#footnote-1), cụ thể:

- Bảo đảm tỉ lệ 01 phòng học/lớp, cơ sở vật chất, sĩ số học sinh/lớp theo quy định tại Điều lệ trường tiểu học; có đủ thiết bị dạy học tối thiểu theo quy định[[2]](#footnote-2); phấn đấu đảm bảo tỉ lệ 1,5 giáo viên/lớp và cơ cấu giáo viên để dạy đủ các môn học và hoạt động giáo dục theo quy định.

- Nhà trường tổ chức dạy học các môn học và hoạt động giáo dục bắt buộc[[3]](#footnote-3), các môn học tự chọn[[4]](#footnote-4) theo quy định của Chương trình Giáo dục phổ thông; tổ chức các hoạt động củng cố để học sinh tự hoàn thành nội dung học tập, các hoạt động giáo dục đáp ứng nhu cầu, sở thích, năng khiếu của học sinh; các hoạt động tìm hiểu tự nhiên, xã hội, văn hóa, lịch sử, truyền thống của địa phương; tổ chức dạy học 2 buổi/ngày, **mỗi ngày bố trí không quá 7 tiết học**, mỗi tiết 35 phút; kế hoạch giáo dục bảo đảm phân bổ hợp lí giữa các nội dung giáo dục, giúp học sinh hoàn thành nhiệm vụ học tập, yêu cầu cần đạt của chương trình; tạo điều kiện cho học sinh được học tập các môn học tự chọn và tham gia các hoạt động giáo dục nhằm thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện ở tiểu học; sắp xếp thời khóa biểu khoa học, bảo đảm tỉ lệ hợp lí giữa các nội dung dạy học và hoạt động giáo dục, phân bổ hợp lí về thời lượng, thời điểm trong ngày học và tuần học phù hợp với tâm sinh lí lứa tuổi học sinh tiểu học.

- Nhà trường xây dựng kế hoạch tổ chức bán trú với nội dung, hình thức phù hợp điều kiện thực tế, trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và theo sự chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan quản lí cấp trên; các hoạt động bán trú được tổ chức trong khoảng thời gian từ sau giờ học buổi sáng đến trước khi bắt đầu giờ học buổi chiều, thông qua hoạt động bán trú góp phần rèn luyện học sinh về kỹ năng sống, đạo đức, tính kỉ luật, tự phục vụ, trách nhiệm, chia sẻ, yêu thương; tổ chức các hoạt động bán trú gồm: ăn trưa, ngủ trưa, vui chơi, giải trí,… cho học sinh; việc tổ chức ăn trưa, bán trú phải bảo đảm an toàn, vệ sinh thực phẩm, bảo đảm dinh dưỡng, sức khỏe cho học sinh[[5]](#footnote-5).

- Tổ chức các hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày là hoạt động theo nhu cầu, sở thích của học sinh trong khoảng thời gian từ sau giờ học chính thức cho đến thời điểm được cha mẹ học sinh đón về nhà; căn cứ vào nhu cầu, sở thích của học sinh, nhà trường tổ chức các hoạt động dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ hoặc sử dụng cơ sở vật chất của nhà trường (thư viện, sân chơi) tạo điều kiện để học sinh vui chơi, giải trí, rèn luyện năng khiếu sau giờ học chính thức trong ngày; việc tổ chức hoạt động sau giờ học chính thức trong ngày bảo đảm an toàn, hiệu quả, theo đúng mục tiêu đã đề ra dưới hình thức sinh hoạt câu lạc bộ được thực hiện trên cơ sở thống nhất, tự nguyện của học sinh, cha mẹ học sinh và được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2.3. Tổ chức dạy học Ngoại ngữ 1, Tin học theo Chương trình cấp tiểu học

**2.3.1. Tổ chức dạy học Ngoại Ngữ 1**

Nhà trường tiếp tục thực hiện Quyết định số 2769/QĐ-UBND ngày 29 tháng 6 năm 2019 triển khai Đề án dạy học ngoại ngữ trong hệ thống giáo dục quốc dân ban hành theo Quyết định số 2080/QĐ-TTg ngày 22 tháng 12 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2019-2025.

Thực hiện Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31 tháng 7 năm 2023 của Bộ GDĐT về việc hướng dẫn tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1 cấp Tiểu học.

- *Đối với lớp 1 và lớp 2*: tiếp tục triển khai Chương trình môn tiếng Anh tự chọn đảm bảo các yêu cầu được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông 2018[[6]](#footnote-6) và thực hiện lựa chọn tài liệu dạy học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo[[7]](#footnote-7).

Năm học 2024-2025, nhà trường tiếp tục tổ chức dạy học ngoại ngữ với thời lượng 02 tiết/tuần (CTGDPT 2018), 02 tiết/tuần (phần mềm bổ trợ) và 01 tiết/tuần với giáo viên bản ngữ với hình thức học làm quen, không gây quá tải cho học sinh; thực hiện kiểm tra đánh giá, trong đó chú trọng đánh giá thường xuyên để hỗ trợ học tập nhưng không dùng kết quả đánh giá để xét lên lớp; việc học tự chọn Ngoại ngữ 1 được thể hiện trong kế hoạch giáo dục của nhà trường theo quy định; khi triển khai dạy học tự chọn Ngoại ngữ 1 ở lớp 1, lớp 2 cần chú ý bảo đảm tính liên thông với môn ngoại ngữ thực hiện bắt buộc từ lớp 3.

- *Đối với lớp 3, lớp 4 và lớp 5*: triển khai thực hiện các giải pháp để tổ chức dạy học môn Ngoại ngữ 1 bắt buộc (được Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt danh mục sách giáo khoa) phù hợp với khả năng tổ chức của nhà trường, nhu cầu học sinh và của cha mẹ học sinh, đảm bảo tính liên thông và theo các yêu cầu được quy định trong chương trình các môn ngoại ngữ và các văn bản chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo[[8]](#footnote-8).

Tổ chức dạy học ngoại ngữ với thời lượng: 04 tiết/tuần (CTGDPT 2018), 02 tiết/tuần (phần mềm bổ trợ) và 01 tiết/tuần với giáo viên bản ngữ theo nhu cầu của học sinh và cha mẹ học sinh trên cơ sở khả năng cung ứng của nhà trường và không gây quá tải cho học sinh.

Triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học theo Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT[[9]](#footnote-9) bảo đảm chất lượng, thiết thực, phù hợp với điều kiện, khả năng đáp ứng của địa phương.

Đẩy mạnh thực hành ngoại ngữ qua các hoạt động như đọc truyện, hoạt động trải nghiệm, tạo môi trường ngoại ngữ ngoài lớp học, các sân chơi, giao lưu cho học sinh theo chỉ đạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo[[10]](#footnote-10).

**2.3.2. Tổ chức dạy học môn tin học**

## - *Tổ chức dạy học môn Tin học bắt buộc cho 100% học sinh lớp 3, lớp 4, lớp 5 theo yêu cầu được quy định trong Chương trình Giáo dục phổ thông.*

- Tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục tin học[[11]](#footnote-11), giáo dục kỹ năng công dân số[[12]](#footnote-12) cho học sinh theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với lớp 3, lớp 4, lớp 5 tăng cường thời lượng, nội dung theo từng chủ đề, mạch kiến thức nhằm củng cố, khắc sâu các kiến thức trong môn Tin học đồng thời tạo điều kiện để học sinh được nghiên cứu, tìm hiểu, khám phá, mở rộng kiến thức Tin học, phát triển năng lực Tin học.

- Bồi dưỡng nâng cao năng lực chuyên môn, nghiệp vụ cho giáo viên Tin học; tăng cường đầu tư nâng cấp thiết bị dạy học để từng bước nâng cao chất lượng dạy học môn Tin học. Thực hiện các giải pháp phù hợp đảm bảo học sinh đều được học môn Tin học khi thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông.

## **2.4.** Thực hiện nội dung giáo dục địa phương theo Chương trình giáo dục phổ thông

- Hiệu trưởng hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch tổ chức dạy học nội dung giáo dục địa phương; tạo điều kiện để giáo viên tham gia đầy đủ các buổi tập huấn nhằm giúp giáo viên xác định được cách thức xây dựng kế hoạch thực hiện nội dung giáo dục địa phương bảo đảm quy định theo Chương trình giáo dục phổ thông phù hợp với đặc thù của môn học, cấp học, lớp học.

- Hiệu trưởng chỉ đạo giáo viên sử dụng hiệu quả tài liệu giáo dục địa phương đã được Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố số hóa. Đồng thời, khai thác hiệu quả các phim từ Hội thi *Liên hoan phim tiếng Anh dành cho học sinh tiểu học*, chủ đề “Quê hương tôi, nguồn cảm hứng” phù hợp với thực tiễn của địa phương.

2.5. Triển khai giáo dục STEM

## Tổ chức thực hiện giáo dục STEM tiếp cận theo định hướng của Chương trình giáo dục phổ thông theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo**[[13]](#footnote-13)**, Sở Giáo dục và Đào tạo **[[14]](#footnote-14)** và Phòng Giáo dục và Đào tạo**[[15]](#footnote-15)** với những yêu cầu cụ thể như sau:

Nhà trường chủ động xây dựng phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng đáp ứng của nhà trường.

Đẩy mạnh tuyên truyền, tập huấn giáo viên về thực hiện giáo dục STEM, nhất là các hình thức tổ chức *(Bài học STEM; Hoạt động trải nghiệm STEM; Làm quen STEM nghiên cứu khoa học, kĩ thuật)* trong các buổi họp hội đồng, họp tổ chuyên môn.

Khuyến khích giáo viên tích cực tìm hiểu về dạy học STEM, tham khảo một số chủ đề STEM từ các nguồn tài liệu có giá trị, từ đó mạnh dạn thiết kế các chủ đề STEM và tổ chức dạy học để rút kinh nghiệm.

Tăng cường sử dụng nguồn học liệu tại địa chỉ website [https://stemtieuhoc.edu.vn](https://stemtieuhoc.edu.vn/); đồng thời cập nhật các chủ đề STEM đã thực hiện lên hệ thống LMS để mở rộng, chia sẻ cho các trường.

Tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung khoa học, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống, tổ chức các hoạt động cho học sinh tham gia nghiên cứu khoa học, giáo dục các kỹ năng phù hợp với thực tiễn cuộc sống.

## **2.6. Nâng cao hiệu quả phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và phương pháp, hình thức đánh giá.**

**2.6.1 Thực hiện linh hoạt các phương pháp và hình thức tổ chức dạy học**

Tiếp tục thực hiện linh hoạt phương pháp, hình thức tổ chức dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh; vận dụng phù hợp những thành tố tích cực của các mô hình, phương thức giáo dục tiên tiến nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục, đặc biệt là đổi mới tổ chức hoạt động giáo dục trên lớp học; tăng cường tổ chức thực hành trải nghiệm, tích hợp nội dung giáo dục địa phương, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống.

Tiếp tục khuyến khích giáo viên dạy học theo phương pháp Bàn tay nặn bột[[16]](#footnote-16); dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới[[17]](#footnote-17); đổi mới phương pháp dạy học và đánh giá môn Tiếng Việt ở tiểu học[[18]](#footnote-18); dạy học tích hợp các nội dung giáo dục ở cấp tiểu học linh hoạt với các hình thức tổ chức phù hợp theo kế hoạch giáo dục của nhà trường[[19]](#footnote-19); chú trọng đổi mới nội dung và hình thức sinh hoạt chuyên môn thông qua hoạt động dự giờ, nghiên cứu bài học để nâng cao năng lực nghề nghiệp của giáo viên.[[20]](#footnote-20)

Thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số trong hoạt động dạy học và quản lí giáo dục của các cấp theo lộ trình, bao gồm ứng dụng công nghệ thông tin trong việc đổi mới phương pháp và hình thức tổ chức dạy học, kiểm tra, đánh giá; ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lí quá trình dạy học và quản trị nhà trường.

## **2.6.2. Thực hiện hiệu quả các phương pháp và hình thức đánh giá**

## - Thực hiện đánh giá học sinh tiểu học theo quy định tại Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT**[[21]](#footnote-21)**; bảo đảm phù hợp với kế hoạch dạy học, phương pháp, hình thức tổ chức dạy học; không kiểm tra, đánh giá vượt quá yêu cầu cần đạt của chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học.

## - Thực hiện có hiệu quả các hình thức, phương pháp đánh giá áp dụng cho đánh giá thường xuyên và đánh giá định kì; xây dựng ma trận đề, ngân hàng câu hỏi, ngân hàng đề kiểm tra phục vụ cho đánh giá định kì đối với các môn học có bài kiểm tra định kì. Việc thực hiện các phương pháp, hình thức đánh giá các môn học, hoạt động giáo dục phải bảo đảm yêu cầu về tính trung thực, khách quan, công bằng, đánh giá chính xác kết quả học tập và rèn luyện của học sinh.

- Mạnh dạn đổi mới kiểm tra, đánh giá, cách thức ra đề kiểm tra để thay đổi phương pháp dạy học phát triển năng lực học sinh.

- Tiếp tục tổ chức khảo sát chất lượng học sinh lớp 3 làm cơ sở để đánh giá năng lực, phẩm chất của của học sinh, điều chỉnh kịp thời việc giảng dạy và đánh giá học sinh khi thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông.

- Thực hiện nghiêm túc bàn giao kết quả giáo dục cuối năm học, phù hợp với từng nhóm đối tượng, kiên quyết không để học sinh “ngồi nhầm lớp”; thực hiện khen thưởng học sinh thực chất, đúng quy định, tránh khen tràn lan gây bức xúc cho cha mẹ học sinh và dư luận xã hội.

- Tham gia các lớp tập huấn, hướng dẫn giáo viên về hình thức tổ chức, phương pháp đánh giá thường xuyên; biên soạn đề và tổ chức thực hiện bài kiểm tra định kì cho các môn học theo Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT và Quyết định số 2904/QĐ-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2022.

3. Thực hiện quy hoạch phát triển mạng lưới trường, lớp; duy trì, củng cố kết quả phổ cập giáo dục và thực hiện công bằng trong tiếp cận giáo dục

3.1. Rà soát, quy hoạch hợp lý mạng lưới trường, lớp

Thực hiện rà soát, quy hoạch hợp lý mạng lưới trường, lớp theo hướng dẫn[[22]](#footnote-22) của Bộ Giáo dục và Đào tạo, bảo đảm nguyên tắc thuận lợi cho việc học của học sinh gắn với các điều kiện bảo đảm chất lượng, đáp ứng yêu cầu đổi mới Chương trình Giáo dục phổ thông 2018; khắc phục tình trạng còn nhiều lớp học có sĩ số học sinh/lớp vượt quá quy định.

## **3.2. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục và đảm bảo hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục, xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

## **3.2.1. Củng cố, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục**

- Tiếp tục thực hiện hiệu quả công tác phổ cập giáo dục, xoá mù chữ theo các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo[[23]](#footnote-23); thực hiện hiệu quả công tác phối hợp với trung tâm học tập cộng đồng để tổ chức các lớp dạy học chương trình xoá mù chữ; củng cố, nâng cao thực chất chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, bảo đảm thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện.

- Tích cực, chủ động tham mưu với lãnh đạo Ủy ban nhân dân Phường 9 kiện toàn ban chỉ đạo phổ cập giáo dục, xóa mù chữ; tập trung mọi nguồn lực để củng cố, duy trì, nâng cao chất lượng phổ cập giáo dục tiểu học, góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện và thực hiện giáo dục tiểu học là giáo dục bắt buộc theo quy định tại Luật Giáo dục 2019.

## **3.2.2. Thực hiện hiệu quả công tác kiểm định chất lượng giáo dục và xây dựng trường đạt chuẩn quốc gia**

Tiếp tục thực hiện kiểm định chất lượng giáo dục và kiểm tra công nhận trường tiểu học đạt chuẩn quốc gia theo quy định tại Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường tiểu học, Thông tư số 13/2020/TTBGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học và Công văn số 5932/BGDĐT-QLCL ngày 28/12/2018 hướng dẫn tự đánh giá và đánh giá ngoài cơ sở giáo dục phổ thông.

## **3.3. Triển khai các giải pháp tăng cường Tiếng Việt cho học sinh dân tộc thiểu số và dạy học Tiếng Việt cho trẻ em là người dân tộc thiểu số trước khi vào lớp 1**

Tiếp tục thực hiện các giải pháp tăng cường tiếng Việt cho học sinh tiểu học người dân tộc thiểu số linh hoạt, phù hợp với điều kiện của đơn vị.

## **3.4. Thực hiện giáo dục đối với trẻ khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn**

## **3.4.1. Đối với trẻ khuyết tật**

Bảo đảm các điều kiện để trẻ em khuyết tật được tiếp cận với giáo dục, được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng. Tiếp tục chỉ đạo cho giáo viên lập và tổ chức thực hiện kế hoạch giáo dục cá nhân, tổ chức việc dạy học, giáo dục cho học sinh khuyết tật học hòa nhập. Học sinh học hòa nhập được học tập và đánh giá theo kế hoạch giáo dục cá nhân. Thực hiện đầy đủ các chính sách đối với giáo viên trực tiếp giảng dạy học sinh khuyết tật theo phương thức giáo dục hòa nhập.

Tạo điều kiện cho giáo viên dạy các lớp có học sinh khuyết tật học hòa nhập được được bồi dưỡng về công tác dạy trẻ khuyết tật học hòa nhập qua các lớp tập huấn, các buổi chuyên đề bồi dưỡng về biện pháp giáo dục có hiệu quả trẻ khuyết tật, kiến thức về tâm lí của trẻ hòa nhập trong trường tiểu học. Phát động phong trào tự làm đồ dùng dạy học, đồ chơi trẻ em trong đội ngũ giáo viên. Trang bị đầy đủ thiết bị dạy học, đồ dùng đồ chơi, học liệu phần mềm dạy học phù hợp.

## **3.4.2. Đối với trẻ em lang thang cơ nhỡ**

Duy trì tổ chức các lớp học linh hoạt cho trẻ em lang thang, cơ nhỡ tại trường vào các buổi tối trong tuần. Căn cứ số lượng trẻ có thể tổ chức thành các lớp cùng trình độ hoặc các lớp ghép không quá hai trình độ. Nội dung học tập cần tập trung vào các môn Tiếng Việt, Toán nhằm rèn kỹ năng đọc, viết và tính toán cho học sinh. Vận động đội ngũ giáo viên tham gia các lớp học này.

## **3.4.3. Đối với học sinh thuộc Đề án 01/ĐA-QU của Quận ủy Quận 8**

## Nhà trường thường xuyên quan tâm, chăm lo sức khỏe tinh thần và thể chất cho các em học sinh mồ côi vì dịch COVID-19 (thuộc Đề án 01/ĐA-QU của Quận ủy Quận 8); kịp thời bảo vệ quyền lợi chính đáng cho học sinh mồ côi theo quy định của pháp luật; rà soát, hỗ trợ kịp thời các trang thiết bị phục vụ nhu cầu học tập cho các em. Thực hiện Sổ giáo dục cá nhân cho các em trong đó có đầy đủ các thông tin cần thiết về lí lịch, học vấn, nhu cầu thiết yếu, các nội dung đã được hỗ trợ, công tác phối hợp giữa nhà trường và gia đình… để thuận lợi trong việc hỗ trợ các em khi chuyển lớp, chuyển cấp học. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện chăm lo về Phòng Giáo dục và Đào tạo trước ngày 31 tháng 5 (thông qua mail Tổ tiểu học).

Tăng cường phối hợp với địa phương cũng như chỉ đạo giáo viên làm công tác chủ nhiệm thường xuyên quan tâm đến các em, tuyệt đối không để các em bỏ học vì bất cứ lý do nào. Khi phát hiện những trường hợp có nguy cơ bỏ học, nhà trường phối hợp với địa phương vận động học sinh đến lớp và báo cáo bằng văn bản về Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 để được chỉ đạo kịp thời.

# 4. Củng cố và tăng cường các điều kiện đảm bảo chất lượng giáo dục

## **4.1. Củng cố và phát triển đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục**

## **4.1.1. Thực hiện tuyển dụng và linh hoạt các giải pháp bố trí, sử dụng GV**

Tham mưu Phòng Giáo dục và Đào tạo rà soát việc tuyển dụng, bố trí, sử dụng giáo viên hợp lý, hiệu quả; có biện pháp lâu dài để quy hoạch, tuyển dụng và bố trí đủ giáo viên dạy đúng và đủ các môn học, bảo đảm giáo dục toàn diện học sinh; ưu tiên biên chế để tuyển dụng giáo viên cho những môn học mới theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

Tham mưu Ủy ban nhân dân Quận 8, Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8 ban hành cơ chế, chính sách đặc thù, để quan tâm, chăm lo đội ngũ giáo viên tương xứng với vai trò và tầm quan trọng của giáo viên trong sự nghiệp giáo dục; chính sách đãi ngộ phù hợp để thu hút viên chức về tuyển dụng, đặc biệt là vị trí giáo viên Tin học, Mĩ thuật, Âm nhạc, Giáo dục thể chất đáp ứng *việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018.*

**4.1.2. Nâng cao năng lực đội ngũ giáo viên và cán bộ quản lí giáo dục**

## Xây dựng đội ngũ giáo viên cốt cán các môn học để triển khai bồi dưỡng tại đơn vị; gắn nội dung bồi dưỡng thường xuyên với nội dung sinh hoạt tổ, nhóm chuyên môn trong trường và cụm trường để nâng cao năng lực nghề nghiệp giáo viên; tiếp tục triển khai hiệu quả công tác đánh giá và bồi dưỡng thường xuyên theo chuẩn nghề nghiệp giáo viên và chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông.

Vận động đội ngũ tham gia kế hoạch bồi dưỡng giáo viên tiểu học, các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ sư phạm, bồi dưỡng thường xuyên hè 2024.

Tổ chức sinh hoạt chuyên môn và hướng dẫn giáo viên trong tổ, nhóm chuyên môn tham gia cùng xây dựng kế hoạch cá nhân, kịp thời phát hiện thuận lợi, khó khăn và đề xuất những biện pháp giải quyết khó khăn về chuyên môn, nghiệp vụ khi thực hiện chương trình, sách giáo khoa mới.

## **4.2. Tăng cường cơ sở vật chất và thiết bị dạy học**

## **4.2.1. Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, thiết bị dạy học**

Cân đối, bố trí ngân sách phù hợp đầu tư cơ sở vật chất, thực hiện mua sắm thiết bị dạy học để thực hiện hiệu quả chương trình, sách giáo khoa giáo dục phổ thông cấp tiểu học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; sử dụng hiệu quả cơ sở vật chất, thiết bị trong tổ chức các hoạt động giáo dục*;* rà soát nhu cầu và có kế hoạch bổ sung đủ thiết bị dạy học tối thiểu để thực hiện thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

Phối hợp rà soát và thực hiện mua sắm thiết bị dạy học tối thiểu theo Thông tư 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 5 theo lộ trình thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

Nhà trường trang bị máy tính đủ cho học sinh lớp 3, 4, 5 học Tin học, ngoại ngữ.

Phát triển và nâng cao chất lượng các dịch vụ tại đơn vị đáp ứng nhu cầu xã hội về giáo dục chất lượng cao ở khu vực đô thị.

Tăng cường việc thực hiện quy định về niêm yết, công khai thông tin về giá vật tư, thiết bị giáo dục, sách giáo khoa trên địa bàn bảo đảm công khai, minh bạch theo đúng quy định của Luật giá và các văn bản có liên quan.

## **4.2.2. Nâng cao hoạt động của thư viện trường học**

- Nghiên cứu, nhân rộng mô hình thư viện thân thiện phù hợp với điều kiện thực tế của đơn vị. Triển khai hiệu quả các văn bản[[24]](#footnote-24) hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhằm tiếp tục củng cố, đổi mới và nâng cao chất lượng hiệu quả hoạt động thư viện trong các trường tiểu học, trong đó đảm bảo thư viện lưu trữ sách giáo khoa để sử dụng lâu dài và góp phần nâng cao chất lượng giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh.

Nhà trường chủ động triển khai hiệu quả, thiết thực các hoạt động thư viện, hoạt động khuyến đọc; nâng cao văn hóa đọc trong nhà trường và địa phương; sắp xếp bố trí nhân viên thư viện đúng chuyên môn làm công tác thiết lập và vận hành thư viện; tăng cường tập huấn, bồi dưỡng nâng cao năng lực cho giáo viên và nhân viên thư viện về công tác tổ chức hoạt động đọc cho học sinh; dành thời lượng phù hợp cho tiết đọc thư viện; đầu tư cơ sở vật chất, phương tiện kĩ thuật, học liệu và tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lí và tổ chức hoạt động thư viện, đặc biệt là phát triển thư viện số, thư viện trực tuyến; huy động sự tham gia của cha mẹ học sinh và cộng đồng trong quá trình tổ chức hoạt động nhằm góp phần xây dựng văn hóa đọc trong nhà trường và cộng đồng.

Chủ động xây dựng kế hoạch tự đánh giá thư viện, thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT về ban hành quy định tiêu chuẩn thư viện cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông.

**4.3. Tăng cường chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo và giáo dục kỹ năng công dân số**

**4.3.1. Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo**

- Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học, tập huấn sử dụng cho đội ngũ giáo viên bảo đảm tỉ trọng nội dung chương trình giáo dục phổ thông được triển khai dưới hình thức trực tuyến (tổ chức các tiết dạy học, các hoạt động giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn... bằng hình thức trực tuyến) đạt từ 2% đến 5% ở cấp tiểu học; khuyến khích các cơ sở giáo dục duy trì phương thức dạy học trực tuyến đối với một số môn học, hoạt động giáo dục; chuẩn bị các phương án sẵn sàng đáp ứng yêu cầu tổ chức dạy học trong điều kiện thiên tai, dịch bệnh không thể tổ chức dạy học trực tiếp.

- Phát triển cơ sở dữ liệu giáo dục tiểu học: phát triển, hoàn thiện dữ liệu cán bộ quản lí, giáo viên, học sinh theo đúng các quy chuẩn của Ngành, dữ liệu lưu trữ theo hệ thống, lâu dài, đặt tại các máy chủ của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố quản lí, vận hành, khai thác; có cơ chế sao lưu dự phòng để phòng ngừa các sự cố ngoài ý muốn; kết hợp dữ liệu gốc với các ứng dụng dạy học trực tuyến, các dịch vụ giáo dục trên nguyên tắc dữ liệu của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố là nền tảng cơ bản.

- Xây dựng nền tảng số, dạy học trực tuyến: tập trung triển khai các nền tảng số để cung cấp các hình thức dạy học trực tuyến (E-learning). Sử dụng hệ thống nền tảng quản lí dạy học trực tuyến của Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố xây dựng (Hệ thống LMS) nhằm kết hợp hoạt động dạy học, kiểm tra, đánh giá, đồng bộ kết quả với dữ liệu thực của học sinh và nhà trường. Số hoá học liệu điện tử, xây dựng giáo trình điện tử, sách điện tử, bài giảng – bài học trực tuyến bám sát lộ trình triển khai thực hiện Chương trình Giáo dục phổ thông ở tiểu học, từ đó mở rộng, chia sẻ dùng chung cho các trường.

- Thực hiện thí điểm một số nội dung chuyển đổi số *(Học bạ điện tử, Thư viện số, Quản lí hồ sơ chuyên môn trên môi trường số)*. Tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, hạ tầng công nghệ thông tin; bồi dưỡng đội ngũ về kỹ năng công nghệ thông tin sẵn sàng triển khai thực hiện các nội dung cụ thể về chuyển đổi số theo kế hoạch.

- Chuyển đổi số thông qua hệ thống thông tin địa lí giáo dục và hệ thống tuyển sinh đầu cấp. Xây dựng, phát triển hệ thống thông tin quản lí, trang thông tin điện tử của đơn vị, cung cấp dữ liệu cấp tiểu học chính xác, chặt chẽ qua hệ thống bản đồ GIS.

## **4.3.2. Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học**

- Triển khai thực hiện đưa nội dung giáo dục kỹ năng công dân số vào giảng dạy ở cấp tiểu học thông qua dạy học môn Tin học, tích hợp giáo dục kỹ năng công dân số thông qua tổ chức dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo[[25]](#footnote-25).

- Nâng cao nhận thức cho cán bộ quản lý, giáo viên về vị trí, vai trò và ý nghĩa của giáo dục kỹ năng công dân số trong thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018; thống nhất nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức giáo dục kỹ năng công dân số; bồi dưỡng, nâng cao năng lực quản lý, tổ chức giáo dục kỹ năng công dân số cho giáo viên trong các cơ sở giáo dục.

- Thực hiện hiệu quả giáo dục kỹ năng công dân số, “đưa nội dung phổ cập kỹ năng số và an toàn, an ninh mạng, các nền tảng mở, phần mềm mã nguồn mở vào chương trình giảng dạy từ cấp Tiểu học để hình thành sớm các kỹ năng cần thiết cho công dân số”. Trang bị kỹ năng công dân số giúp học sinh có kỹ năng và năng lực học tập, sống và làm việc an toàn, hiệu quả trong môi trường số ngày càng phát triển.

- Tổ chức giáo dục kỹ năng công dân số trên cơ sở Khung năng lực số dành cho học sinh phổ thông[[26]](#footnote-26) (Khung NLS); phù hợp với đặc điểm tâm sinh lí, trình độ phát triển nhận thức của học sinh tiểu học và điều kiện của nhà trường; bảo đảm mục tiêu, yêu cầu cần đạt của các môn học/hoạt động giáo dục có liên quan; thúc đẩy tổ chức dạy học tích hợp, giáo dục STEM; không gây áp lực, quá tải cho học sinh và giáo viên.

## **4.3.3. Triển khai Học bạ số**

- Thực hiện triển khai chất lượng, hiệu quả Học bạ số từ năm học 2024-2025 theo hướng dẫn của Sở Giáo dục và Đào tạo[[27]](#footnote-27),[[28]](#footnote-28), Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 8[[29]](#footnote-29) .

- Thực hiện rà soát, đánh giá, chuẩn bị các điều kiện kỹ thuật, hạ tầng, nhân sự, nguồn lực bảo đảm các điều kiện triển khai Học bạ số; đảm bảo pháp lý cho chứng thư số, chữ ký số được cấp cho đơn vị, cán bộ quản lý, giáo viên; đảm bảo phần mềm học bạ số triển khai tại đơn vị được kết nối với Cơ sở dữ liệu Học bạ số của ngành Giáo dục và Đào tạo và đáp ứng các quy định. Tham gia tập huấn nghiệp vụ triển khai thí điểm Học bạ số.

- Thực hiện Quy chế tạm thời quản lý, sử dụng Hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh và Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh và Hướng dẫn quy chế quản lý, sử dụng Hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh và Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo.

- Thực hiện rà soát, đảm bảo 100% học sinh lớp 1 được cập nhật đầy đủ thông tin cá nhân trên hệ thống quản lý cơ sở dữ liệu.

- Nhà trường sử dụng phần mềm quản lý giáo dục từ trục cơ sở dữ liệu chung của ngành <https://csdl.moet.gov.vn> (do Bộ Giáo dục và Đào tạo quản lý) để quản lý hồ sơ học sinh, hồ sơ giáo viên đáp ứng tiêu chí “đúng, đủ, sạch, sống”, xác thực định danh công dân điện tử của cơ sở dữ liệu dân cư; sử dụng phần mềm quản lí nhà trường có chức năng quản lý học bạ số.

# 5. Tăng cường thực hiện đổi mới công tác quản lý giáo dục

- Tiếp tục triển khai thực hiện đổi mới công tác quản lí trong nhà trường theo quy định[[30]](#footnote-30), trong đó tập trung thực hiện có hiệu quả các nội dung sau:

+ Đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin trong tổ chức và quản lí các hoạt động chuyên môn; thực hiện nhập số liệu, khai thác, sử dụng thống nhất dữ liệu toàn ngành về trường, lớp, học sinh, giáo viên và các thông tin khác trong quản lí, báo cáo.

+ Tiếp tục thực hiện tinh giản hồ sơ, sổ sách trong nhà trường[[31]](#footnote-31).

+ Quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo theo quy định, tuyệt đối không để xảy ra tình trạng ép buộc, vận động học sinh hoặc cha mẹ học sinh mua xuất bản phẩm tham khảo[[32]](#footnote-32) trong đơn vị.

- Không thực hiện liên kết giáo dục với nước ngoài khi chưa đảm bảo điều kiện triển khai.

- Kiện toàn hồ sơ việc triển khai Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; tổ chức lựa chọn sách giáo khoa, quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo; công tác quản lí hoạt động dạy học.

# 6. Phát động các phong trào thi đua và đẩy mạnh công tác truyền thông

1. Tiếp tục phát động và tổ chức các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến trong công tác dạy học đảm bảo tính thiết thực, phù hợp với điều kiện thực tiễn của địa phương, gắn với phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong quản lí, giảng dạy và học tập” của ngành Giáo dục giai đoạn 2020-2025.

Triển khai các hoạt động cụ thể bám sát mục tiêu giáo dục, các tiêu chí thi đua theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Sở Giáo dục và Đào tạo để thực hiện có chất lượng, hiệu quả các nhiệm vụ giáo dục tiểu học, góp phần tạo sự chuyển biến trong toàn ngành và hướng đến sự đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo.

2. Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch truyền thông về đổi mới Chương trình giáo dục phổ thông, tổ chức triển khai sách giáo khoa cấp tiểu học. Tổ chức truyền thông đa phương tiện nhằm tuyên truyền, định hướng các chủ trương, chính sách mới về giáo dục; chủ động xử lí các vấn đề truyền thông tại địa phương; nâng cao việc phân tích và xử lí thông tin để đáp ứng yêu cầu truyền thông của Ngành; đẩy mạnh truyền thông về nội dung, giải pháp, lộ trình và điều kiện thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông để tạo sự đồng thuận giữa nhà trường, gia đình và xã hội.

Khuyến khích đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lí giáo dục viết bài và đưa tin về các hoạt động của Ngành việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông 2018, gương người tốt, việc tốt, các điển hình tiên tiến của cấp học…. để tạo sức lan tỏa sâu rộng trong cộng đồng.

# 7. Các hoạt động khác

- Rà soát, xây dựng kế hoạch từng bước nâng cao chất lượng Thư viện điện tử theo hướng chuyển đổi số.

- Thực hiện khảo sát học sinh các khối lớp theo kế hoạch của Phòng; thực hiện đánh giá thư viện tiểu học theo Thông tư 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 11 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo; tham gia kế hoạch tổ chức ngày hội Em yêu tiếng Việt, kế hoạch tổ chức Hội thi tài năng tin học cấp tiểu học lần thứ 10, giải Lê Quý Đôn trên báo Nhi Đồng do các cấp tổ chức.

- Quản lí, chỉ đạo hoạt động trang trí trường lớp đảm bảo khung cảnh sư phạm, tạo môi trường học tập thân thiện cho học sinh; chú trọng các góc phục vụ hoạt động học tập và sinh hoạt cho các em, rà soát bảo đảm an toàn trường học, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thực hiện lưu giữ văn thư (số và giấy) theo quy định; nhắc nhở và rà soát thống kê số liệu định kì 3 lần/năm học trên trang cơ sở dữ liệu của Bộ theo mốc thời gian do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định.

# VI. Tổ chức thực hiện

**1. Hiệu trưởng**

- Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường theo đúng hướng dẫn.

- Phê duyệt kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của tổ chuyên môn.

- Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các cá nhân, bộ phân có liên quan trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Lãnh đạo thực hiện KH giáo dục nhà trường theo các nội dung đã đề ra.

- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện kế hoạch; kịp thời điều chỉnh kế hoạch khi cần thiết để phù hợp với tình hình thực tiễn.

1. **Phó hiệu trưởng**

- Nghiên cứu chương trình môn học, hoạt động giáo dục; nghiên cứu sách giáo khoa sử dụng tại nhà trường, các sách giáo khoa khác thực hiện môn học, hoạt động giáo dục có trong danh mục được Bộ GDĐT phê duyệt; nghiên cứu kế hoạch thời gian thực hiện chương trình các môn học, hoạt động giáo dục của nhà trường, hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ năm học, hướng dẫn thực hiện các môn học, hoạt động giáo dục của các cấp có thẩm quyền và các quy định khác có liên quan.

- Nghiên cứu điều kiện tổ chức dạy học môn học, hoạt động giáo dục gồm: đội ngũ giáo viên, nguồn học liệu, thiết bị dạy học, phòng học bộ môn; nội dung giáo dục địa phương, … chủ đề hoạt động giáo dục tập thể, nội dung thực hiện tích hợp liên môn và các điều kiện đảm bảo khác có liên quan để xây dựng dự thảo kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Hướng dẫn các tổ chuyên môn xây dựng kế hoạch hoạt động theo năm, tháng, tuần; theo dõi, kiểm tra việc thực hiện kế hoạch giáo dục, kịp thời báo cáo với hiệu trưởng các nội dung có liên quan đến việc thực hiện kế hoạch giáo dục và đề xuất các nội dung cần điều chỉnh trong quá trình thực hiện để đảm bảo hiệu quả công tác giáo dục trong nhà trường.

- Chỉ đạo việc thực hiện quy chế chuyên môn, việc sinh hoạt tổ chuyên môn theo hướng nghiên cứu bài học.

**3. Công đoàn**

- Công đoàn vận động giáo viên thực hiện tốt Nghị quyết của nhà trường đề ra và thực hiện tốt quy chế dân chủ trong nhà trường dân chủ hóa trường học.

- Vận động Công đoàn viên thực hiện tốt Quyết định 16/2008/QĐ-BGDĐT quy định về đạo đức Nhà giáo.

- Thực hiện đầy đủ mọi chính sách của Đoàn viên công đoàn.

- Tổ chức các hoạt động phong phú để lôi cuốn Đoàn viên cùng tham gia.

- Giới thiệu công đoàn viên ưu tú cho Đảng.

- Cùng với chính quyền tổ chức Hội nghị viên chức năm học 2024-2025.

**4. Đoàn-Đội**

Đoàn viên phấn đấu có ý thức tổ chức về vai trò trách nhiệm trong tập thể, lên lớp đúng giờ, có kế hoạch dự giờ, học hỏi chuyên môn.

**-** Đội hoạt động theo chủ đề năm học: *“Thiếu nhi Thành phố vâng lời Bác dạy, tự hào truyền thống, tiếp bước cha anh”.*

-Đẩy mạnh phong trào đọc và làm theo báo Đội.

- Thực hiện công tác chỉ đạo của Hội đồng Đội Quận 8.

- Thực hiện phong trào “Học tập và làm theo 5 điều Bác Hồ dạy”.

- Xây dựng Liên đội vững mạnh, tự quản.

- Tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc, giáo dục học sinh và phát huy vai trò của Ban chỉ huy Liên đội.

- Nâng cao chất lượng các câu lạc bộ - đội nhóm tại Liên đội.

- Thực hiện, tham gia có hiệu quả chương trình do Đoàn phường và Hội Đồng đội quận tổ chức.

1. **Tổ trưởng chuyên môn**

- Tổ trưởng chuyên môn giao nhiệm vụ cho giáo viên trong tổ xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục; tổng hợp xây dựng dự thảo kế hoạch dạy học các môn học, hoạt động giáo dục theo khối lớp; tổ chức trao đổi, thảo luận giữa các thành viên tổ chuyên môn về dự thảo kế hoạch; hoàn thiện kế hoạch trình hiệu trưởng phê duyệt.

- Tổ trưởng chuyên môn cần hướng dẫn, tạo điều kiện thuận lợi cho giáo viên tổ chức thực hiện các hoạt động dạy học môn học, hoạt động giáo dục theo kế hoạch; tham gia giám sát quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục của các thành viên trong tổ và trình hiệu trưởng phê duyệt các đề xuất điều chỉnh, bổ sung kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục của tổ khối.

1. **Giáo viên chủ nhiệm**

- Chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng học sinh gồm: đặc điểm về vùng miền; hoàn cảnh gia đình; chất lượng học tập lớp dưới; lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn.

- Giáo viên làm công tác chủ nhiệm lớp lập kế hoạch giáo dục cho lớp học mình phụ trách theo tuần/tháng phù hợp với kế hoạch chung của toàn khối, toàn trường.

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục nếu phát sinh những chủ đề/bài học có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì giáo viên đề xuất tổ chuyên môn nghiên cứu, thảo luận, thống nhất, trình hiệu trưởng phê duyệt.

- Tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức chính trị; học tập, quán triệt các nội dung, quan điểm chỉ đạo nhiệm vụ năm học.

- Tham gia, thực hiện tốt các nền nếp hoạt động chuyên môn: hội giảng, dự giờ, sử dụng thiết bị dạy học, thực hành, hồ sơ sổ sách, hội họp, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh cần quan tâm… theo đúng quy chế, quy định của ngành và nhà trường.

- Tích cực thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp day học, tăng cường các biện pháp nhằm phát huy tính tích cực tự học tập, tự nghiên cứu, tự đánh giá của học sinh.

- Tích cực sử dụng các nguồn học liệu trên mạng internet để đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy.

- Xây dựng hệ thống bài giảng E-learning môn Toán, Tiếng Việt và lần lượt các môn học khác để hoàn thiện kho học liệu số tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Phối hợp tốt với Tổng phụ trách Đội và giáo viên bộ môn trong quá trình triển khai các hoạt động giáo dục và đánh giá học sinh. Thực hiện công tác tuyên truyền, phối hợp với phụ huynh học sinh để triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch giáo dục nhà trường.

1. **Giáo viên phụ trách môn học**

- Chủ động nghiên cứu chương trình, sách giáo khoa và các nội dung liên quan khác; tìm hiểu về đặc điểm đối tượng học sinh; lập kế hoạch dạy học cho môn học, hoạt động giáo dục mình phụ trách, phù hợp điều kiện thực tiễn.

- Phối hợp với các giáo viên, tổ khối và các bộ phận có liên quan trong việc xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học, kế hoạch giáo dục.

- Trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch dạy học các môn học và hoạt động giáo dục nếu phát sinh những chủ đề/bài học có nội dung cần điều chỉnh, bổ sung thì giáo viên đề xuất tổ chuyên môn nghiên cứu, thảo luận, thống nhất, trình hiệu trưởng phê duyệt.

- Tham gia học tập bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ và nhận thức chính trị; học tập, quán triệt các nội dung, quan điểm chỉ đạo nhiệm vụ năm học.

- Tham gia, thực hiện tốt nền nếp hoạt động chuyên môn: hội giảng, dự giờ, sử dụng thiết bị dạy học, thực hành, hồ sơ sổ sách, hội họp, bồi dưỡng học sinh năng khiếu, phụ đạo học sinh cần quan tâm…. theo đúng quy chế, quy định của ngành và nhà trường.

- Tích cực thực hiện tốt việc đổi mới phương pháp day học, tăng cường các biện pháp nhằm phát huy tính tích cực tự học tập, tự nghiên cứu, tự đánh giá của học sinh. Tích cực sử dụng các nguồn học liệu trên mạng internet để đáp ứng nhu cầu tra cứu thông tin hỗ trợ cho việc giảng dạy. Xây dựng hệ thống bài giảng E-learning để hoàn thiện kho học liệu số tiểu học theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.

- Tham gia sinh hoạt cụm chuyên môn đầy đủ và hiệu quả.

1. **Nhân viên**
   1. Thiết bị-Thư viện:

- Quản lý mọi hoạt động của thư viện, thiết bị.

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến hoạt động của thư viện, thiết bị dạy học.

- Thực hiện cập nhật quản lý thiết bị trên phần mềm thiết bị của công ty cổ phần Misa.

- Khuyến khích học sinh tích cực tham gia các hoạt động đọc sách.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về kế hoạch tổ chức Ngày hội đọc sách để đảm bảo hiệu quả hoạt động.

* 1. Nhân viên khác:

- Xây dựng các kế hoạch hoạt động liên quan đến nhiệm vụ được phân công.

- Tham gia vào việc xây dựng và phát triển nhà trường.

- Tham gia giáo dục đạo đức học sinh.

- Tham mưu với lãnh đạo trường về KH hoạt động của lĩnh vực phụ trách.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục nhà trường năm học 2024-2025 của Trường Tiểu học Lý Nhân Tông, đề nghị các cá nhân và bộ phận thực hiện nghiêm túc, hiệu quả và đúng tiến độ. Tùy theo điều kiện thực tế tại đơn vị, các cá nhân và bộ phận điều chỉnh thực hiện linh hoạt và hiệu quả./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - PGD&ĐT Q.8;  - BGH;  - Tổ trưởng;  - Trưởng các bộ phận;  - Lưu: VT. | **HIỆU TRƯỞNG**  **Lê Thị Kim Huệ** |

**LỊCH CÔNG TÁC**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tháng** | **Nội dung** | |
| **Tháng 08/2024** | **Trọng tâm: Công tác chuẩn bị năm học mới** | |
| *Chuyên môn* | - Tham gia tập huấn sử dụng sách giáo khoa lớp 5;  - Tham gia các lớp bồi dưỡng chuyên môn hè 2024;  - Ôn tập, hệ thống các kiến thức đã học;  - Tập huấn, bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Biên chế lớp năm học 2024-2025;  - Dự kiến Danh sách học sinh năm học 2024-2025;  - Thống kê số liệu học sinh đầu năm;  - Công tác chuẩn bị thực hiện Chương trình GDPT 2018 ở lớp 5 với các môn Tiếng Anh, Tin học;  - Kiện toàn hồ sơ tuyển sinh lớp 1;  - Công tác chuẩn bị đầu năm học; xây dựng thời khóa biểu. |
| **Tháng**  **09/2024** | **Trọng tâm: Tổ chức thực hiện chương trình năm học mới** | |
| *Chuyên môn* | **-** Triển khai thời khóa biểu năm học 2024-2025;  - Dự giờ thăm lớp giáo viên mới; giáo viên lớp 5;  - Xây dựng kế hoạch phụ đạo học sinh;  - Xây dựng hệ thống bài giảng Elearning môn Toán;   * Tham gia và tổ chức các chuyên đề được tập huấn. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Khai giảng năm học 2024-2025;  - Tổng hợp thống kê số liệu đầu năm học tại cổng thông tin điện tử và cổng CSDL;  - Xây dựng kế hoạch giáo dục nhà trường;   * Cập nhật sổ đăng bộ đầu năm 2024-2025;   - Cập nhật Danh sách học sinh phục vụ phổ cập;  - Kiểm tra việc soạn KHBD. |
| **Tháng**  **10/2024** | **Trọng tâm: Triển khai thực hiện kế hoạch năm học** | |
| *Chuyên môn* | - Dự giờ thăm lớp giáo viên Tiếng Anh;  - Thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh giai đoạn 1;  - Tham gia hoạt động Giáo dục An toàn giao thông do PGD tổ chức;  - Tham gia hội thi giáo viên dạy giỏi cấp Quận;  - Tham gia và tổ chức các chuyên đề đã được tập huấn. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Kiểm tra việc soạn KHBD;  *- PGD nắm tình hình tổ chức các hoạt động giáo dục kỹ năng sống trong nhà trường, các mô hình hoạt động câu lạc bộ;*  *- PGD dự giờ, thăm lớp; tham gia buổi sinh hoạt chuyên môn khối; nắm tình hình giảng dạy tài liệu giáo dục địa phương và kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục; Kiểm tra CM, việc triển khai kế hoạch GDNT.* |
| **Tháng 11/2024** | **Trọng tâm: Hoạt động chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam** | |
| *Chuyên môn* | - Kiểm tra định kỳ Giữa kì 1 lớp 4, 5;  - Thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh giai đoạn 2;  - Đăng kí hội giảng, tiết học tốt chào mừng ngày 20/11;   * Tham gia và tổ chức các chuyên đề đã được tập huấn. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Kiểm tra việc đánh giá học sinh theo TT 27;  *- PGD đi cơ sở nắm tình hình và thăm lớp dự giờ các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện theo chương trình GDPT 2018; Kiểm tra việc triển khai và thực hiện CĐ;*  *- Dự kiến tiếp đoàn thanh tra Sở (KT CM PGD).* |
| **Tháng 12/2024** | **Trọng tâm: Ôn tập và kiểm tra định kì Cuối kì 1** | |
| *Chuyên môn* | * Dự giờ thăm lớp giáo viên (HĐ GD Stem); * Công tác soạn và thẩm định đề KTĐK HKI; * Kiểm tra cuối kì 1;   - Rút kinh nghiệm việc soạn đề KT học kì 1, đặc biệt ở khối lớp 5;   * Tham gia và tổ chức các chuyên đề đã được tập huấn. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Kiểm tra việc dạy học tích hợp;  *- PGD đi cơ sở nắm tình hình và thăm lớp dự giờ các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện theo chương trình GDPT 2018; Kiểm tra việc đánh giá HS theo TT 27; Kiểm tra công tác phổ cập giáo dục tiểu học; Kiểm tra việc lập KH cá nhân các lớp có HS KT học hòa nhập.* |
| **Tháng 01/2025** | **Trọng tâm: Kiểm tra định kì cuối kì 1-Sơ kết Học kì 1** | |
| *Chuyên môn* | * - Kiểm tra cuối kì 1;   - Vào chương trình học kì 2;  - Xây dựng hệ thống bài giảng Elearning môn Toán. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Hoàn thành báo cáo thống kê số liệu cuối kì 1;  - Báo cáo Sơ kết học kì I năm học 2024-2025;   * Hoàn thành hồ sơ chuyên môn đến cuối Học kì 1;   - Duyệt hồ sơ chuyên môn HKI;  - Tổ chức Hội thi Trang trí lớp học;  - Xây dựng kế hoạch tự kiểm tra thư viện;  *- PGD đi cơ sở nắm tình hình và thăm lớp dự giờ các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện theo chương trình GDPT 2018; Kiểm tra việc thực hiện chương trinh tích hợp.* |
| **Tháng**  **02/2025** | **Trọng tâm: Ổn định nền nếp-Tổ chức các hội thi** | |
| *Chuyên môn* | * Chuẩn bị khảo sát học sinh các khối lớp; * Thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh giai đoạn 3; * Tham gia và tổ chức các chuyên đề đã được tập huấn. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | * Tổ chức Hội thi Làm đồ dùng dạy học; * Tổ chức Ngày hội “Em viết đúng, viết đẹp”;   - Kiện toàn công tác Thư viện-Thiết bị;  *- PGD kiểm tra chuyên môn các đơn vị, kiểm tra chương trình giáo dục môi trường và an toàn trường học, việc thực hiện kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên; Đi cơ sở nắm tình hình và thăm lớp dự giờ các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện theo Chương trình Giáo dục phổ thông 2018.* |
| **Tháng 03/2025** | **Trọng tâm: Kiểm tra định kì giữa kì 2-Tham gia các hội thi** | |
| *Chuyên môn* | - Kiểm tra định kỳ giữa kì 2 lớp 4, 5;  - Tổ chức hội thi giáo viên chủ nhiệm giỏi cấp cơ sở;   * Dự giờ thăm lớp giáo viên lớp 5, giáo viên Tiếng Anh; * Tham gia và tổ chức các chuyên đề đã được tập huấn;   *- PGD kiểm tra, dự giờ các đơn vị triển khai dạy bổ trợ tiếng Anh phần mềm/tài liệu tiếng Anh Toán/ Khoa.* |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Kiểm tra việc soạn KHBD;  - Tổ chức khảo sát học sinh các khối lớp theo kế hoạch PGD;  - Tổ chức tự kiểm tra thư viện;  *- PGD đi cơ sở nắm tình hình và thăm lớp dự giờ các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện theo chương trình Giáo dục phổ thông 2018; Nắm tình hình cơ sở về y tế, VSATTP, bán trú, trang trí trường lớp.* |
| **Tháng 04/2025** | **Trọng tâm: Các hoạt động Giáo dục tiểu học** | |
| *Chuyên môn* | - Thực hiện kế hoạch phụ đạo học sinh giai đoạn 4;  - Xây dựng ma trận và ra đề kiểm tra cho học sinh các khối lớp theo yêu cầu cần đạt của khung chương trình GDPT 2018;  - Nhận xét, đánh giá và tổng hợp kết quả BDTX (cá nhân, tổ CM);   * Chuẩn bị hồ sơ nguyên tắc phục vụ công tác KTĐK CN. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Kiểm tra việc dạy học tích hợp;  - Hướng dẫn KTĐK cuối năm và bàn giao chất lượng học tập, tổng kết năm học;  - Tổng kết công tác kiểm định chất lượng;  - Tổng kết công tác tự học Bồi dưỡng thường xuyên;  *- PGD đi cơ sở nắm tình hình và thăm lớp dự giờ các môn học/hoạt động giáo dục thực hiện theo chương trình GDPT 2018.* |
| **Tháng 05/2025** | **Trọng tâm: Kiểm tra cuối năm-Tổng kết năm học** | |
| *Chuyên môn* | - Kiểm tra định kì cuối năm học;   * Xét duyệt kết quả cuối năm và Bàn giao chất lượng dạy học; * Tổng kết các hoạt động chuyên môn; * Hoàn tất hồ sơ chuyên môn năm học 2024-2025. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Thống kê số liệu; Báo cáo tổng kết năm học;  - Tổng kết năm học 2024-2025;  - Ngày lễ “Hoàn thành chương trình Tiểu học”;  - Ngày hội “Giới thiệu Ngôi trường Tiểu học của em”;  - Kiểm tra hồ sơ lớp 5;  *-* Rà soát, thống kê kì cuối năm trên cơ sở dữ liệu. |
| **Tháng 06/2025** | **Trọng tâm: Kiện toàn hồ sơ năm học** | |
| *Chuyên môn* | * Kiện toàn hồ sơ chuyên môn năm học 2024-2025. |
| *Quản lí, Hoạt động giáo dục* | - Xây dựng kế hoạch hoạt động hè;  - Chuẩn bị công tác tuyển sinh lớp 1 năm học 2025-2026. |
| **Tháng 07/2025** | - Tổ chức KT bổ sung (nếu có);  - Thực hiện Kế hoạch tuyển sinh năm học 2025-2026;  - Tham gia các Lớp Bồi dưỡng chuyên môn hè. | |

1. *Công văn số 3036/BGDĐT-GDTH ngày 20/7/2021 về việc tăng cường chỉ đạo thực hiện nội dung giáo dục của địa phương cấp tiểu học; Công văn số 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm ở cấp tiểu học; Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học Tin học và tổ chức hoạt động tin học ở cấp tiểu học; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/3020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2; Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp tiểu học; Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; Công văn số 5335/BGDĐT-GDTH ngày 12/10/2022 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học lớp ghép cấp tiểu học; Thông tư số 08/2024/TT-BGDĐT ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về Hướng dẫn lồng ghép nội dung giáo dục quốc phòng và an ninh trong trường tiểu học, trường trung học cơ sở và trường phổ thông có nhiều cấp học.* [↑](#footnote-ref-1)
2. *Thông tư số 37/2021/TT-BGDĐT ngày 30/12/2021 ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu cấp Tiểu học; Thông tư số 19/2022/TT-BGDĐT ngày 22/12/2022 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu môn học Giáo dục quốc phòng và an ninh trong các trường tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học, trường cao đẳng sư phạm và cơ sở giáo dục đại học.* [↑](#footnote-ref-2)
3. *Tiếng Việt, Toán, Đạo đức, Tự nhiên và Xã hội, Khoa học, Lịch sử và Địa lí, Giáo dục thể chất, Âm nhạc, Mĩ thuật, Tin học, Công Nghệ, Ngoại ngữ 1 (lớp 3, lớp 4, lớp 5), Hoạt động trải nghiệm.* [↑](#footnote-ref-3)
4. *Tiếng dân tộc thiểu số, Ngoại ngữ 1 (lớp 1, lớp 2).* [↑](#footnote-ref-4)
5. *Thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn của Bộ GDĐT tại Công văn số 404/BGDĐT-GDDT ngày 24/01/2024 về việc tăng cường, bảo đảm các điều kiện ăn, ở, sinh hoạt và học tập cho trẻ mầm non, học sinh phổ thông và Công văn số 761/BGDĐT-GDDT ngày 26/02/2024 về việc tăng cường công tác bảo đảm an toàn và duy trì sĩ số học sinh trong các cơ sở giáo dục phổ thông vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi.* [↑](#footnote-ref-5)
6. Chương trình giáo dục phổ thông làm quen Tiếng Anh lớp 1 và lớp 2 ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ trưởng Bộ GDĐT; Công văn số 681/BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học môn tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018. [↑](#footnote-ref-6)
7. Thông tư 21/2014/TT-BGDĐT ngày 07/07/2014 của Bộ GDĐT quy định về quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên. [↑](#footnote-ref-7)
8. Môn Tiếng Anh thực hiện theo Chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Anh ban hành kèm theo Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 về Chương trình giáo dục phổ thông và Công văn số 816/BGDĐT-GDTH ngày 09/3/2022 về việc tổ chức dạy học môn Tiếng Anh và môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 cấp tiểu học; môn tiếng Nhật, tiếng Pháp theo Thông tư số 19/2021/TT-BGDĐT ngày 01/7/2021 ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn Ngoại ngữ 1 Tiếng Nga, Tiếng Nhật, Tiếng Pháp, Tiếng Trung Quốc; môn tiếng Hàn theo Quyết định số 712/QĐ-BGDĐT ngày 09/02/2021 ban hành chương trình giáo dục phổ thông môn Tiếng Hàn và Tiếng Đức – ngoại ngữ 1, hệ 10 năm thí điểm. [↑](#footnote-ref-8)
9. *Kế hoạch số 160/KH-BGDĐT ngày 19/02/2024 của Bộ GDĐT về việc triển khai sử dụng Hệ thống học liệu tiếng Anh trên máy tính và trực tuyến cấp tiểu học được đầu tư theo Quyết định số 4374/QĐ-BGDĐT ngày 19/11/2021 của Bộ GDĐT trên nền tảng hạ tầng công nghệ thông tin hiện có của ngành Giáo dục, địa phương và cơ sở giáo dục.* [↑](#footnote-ref-9)
10. *Công văn số 3816/BGDĐT-GDTH ngày 31/7/2023 về việc triển khai dạy học các môn Ngoại ngữ theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 và Công văn số 3818/BGDĐT-GDTH ngày 31/07/2023 về việc hướng dẫn tổ chức dạy học các môn Ngoại ngữ 1 cấp tiểu học.* [↑](#footnote-ref-10)
11. *Theo Công văn số 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 về tổ chức dạy học môn Tin học và tổ chức hoạt động giáo dục tin học ở cấp tiểu học từ năm học 2019 – 2020.* [↑](#footnote-ref-11)
12. *Công văn số 3899/QĐ-BGDĐT 30/7/2024 về hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng Công dân số cấp tiểu học.* [↑](#footnote-ref-12)
13. *Công văn số 909/BGDĐT-GDTH ngày 08/3/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học.* [↑](#footnote-ref-13)
14. *Công văn số 1910/SGDĐT-GDTH ngày 24/4/2023 về việc hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong giáo dục Tiểu học theo công văn số 909/BGDĐT-GDTH.* [↑](#footnote-ref-14)
15. *Công văn số 796/PGDĐT ngày 14 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về hướng dẫn tổ chức hoạt động giáo dục STEM trong các cơ sở giáo dục tiểu học theo công văn số 909/BGDĐT-GDTH; Các cơ sở giáo dục chủ động xây dựng phương án tổ chức thực hiện giáo dục STEM theo định hướng Chương trình giáo dục phổ thông 2018 phù hợp với điều kiện thực tế tại địa phương và khả năng đáp ứng của các cơ sở giáo dục.* [↑](#footnote-ref-15)
16. Công văn số 3535/BGDĐT-GDTrH ngày 27/5/2013 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện phương pháp “Bàn tay nặn bột” và các phương pháp dạy học tích cực khác, trong đó các nhà trường chú trọng chủ động thực hiện việc sắp xếp lại nội dung dạy học một cách phù hợp, thuận lợi để áp dụng phương pháp Bàn tay nặn bột. [↑](#footnote-ref-16)
17. Công văn số 2070/BGDĐT-GDTH ngày 12/5/2016 về việc triển khai dạy học Mĩ thuật theo phương pháp mới ở tiểu học, trung học cơ sở. [↑](#footnote-ref-17)
18. Công văn số 3175/BGDĐT-GDTrH ngày 21/7/2021 về việc hướng dẫn đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá môn Ngữ văn ở trường phổ thông. [↑](#footnote-ref-18)
19. Giáo dục địa phương, giáo dục an toàn giao thông, giáo dục bảo vệ môi trường, giáo dục chăm sóc mắt và phòng chống mù lòa cho học sinh tiểu học (theo Quyết định số 1078/QĐ-BGDĐT ngày 29/4/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT tại địa chỉ matsanghochay.moet.gov.vn), giáo dục về quyền con người,… [↑](#footnote-ref-19)
20. Công văn số 1315/BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 về việc hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông cấp Tiểu học. [↑](#footnote-ref-20)
21. *Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Quy định đánh giá học sinh tiểu học.* [↑](#footnote-ref-21)
22. Công văn số 3712/BGDĐT-CSVC ngày 24/8/2018 về việc hướng dẫn thực hiện rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông; Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GDĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, THCS, THTP và trường phổ thông có nhiều cấp học; Công văn số 6088/BGDĐT-CSVC ngày 26/12/2017 về việc rà soát thực trạng, nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị dạy học và công tác dồn ghép các điểm trường lẻ của cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông. [↑](#footnote-ref-22)
23. *Thông tư số 07/2016/TT-BGDĐT ngày 22/3/2016 của Bộ GDĐT ban hành quy định về điều kiện bảo đảm và nội dung, quy trình, thủ tục kiểm tra công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục, xóa mù chữ.* [↑](#footnote-ref-23)
24. *Thông tư số 16/2022/TT-BGDĐT ngày 22/11/2022, Công văn số 430/BGDĐT-GDTH ngày 30/01/2019 nhằm hình thành thói quen đọc sách, phát triển năng lực, phẩm chất và tăng cường ngôn ngữ tiếng Việt cho học sinh tiểu học; Công văn số 5750/BGDĐT-GDTH ngày 31/12/2020 về việc tổ chức các hoạt động thư viện trong trường tiểu học từ năm học 2020 – 2021.* [↑](#footnote-ref-24)
25. *Công văn số 3899/QĐ-BGDĐT 30/7/2024 về hướng dẫn triển khai thực hiện giáo dục kỹ năng Công dân số cấp tiểu học.* [↑](#footnote-ref-25)
26. *Khung năng lực số dành cho học sinh phổ thông – Viện KHGD Việt Nam – Bộ GDĐT nghiên cứu dựa trên khung năng lực số của Châu Âu, UNESCO, UNICEF.* [↑](#footnote-ref-26)
27. *Kế hoạch số 3632/KH-SGDĐT ngày 13/6/2024 của Sở GDĐT về Triển khai thí điểm Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo Thành phố Hồ Chí Minh.* [↑](#footnote-ref-27)
28. *Quyết định số 1789/QĐ-SGDĐT ngày 14/06/2024 của Sở GDĐT ban hành Quy chế quản lí, sử dụng hệ thống theo dõi, đánh giá học sinh và học bạ số ngành GDĐT Thành phố.* [↑](#footnote-ref-28)
29. *Kế hoạch số 87/KH-PGDĐT ngày 19 tháng 6 năm 2024 của Phòng Giáo dục và Đào tạo về triển khai thí điểm Học bạ số ngành Giáo dục và Đào tạo Quận 8.* [↑](#footnote-ref-29)
30. *Nghị định số*[*24/2021/NĐ-CP*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/nghi-dinh-24-2021-nd-cp-quan-ly-trong-co-so-giao-duc-mam-non-giao-duc-pho-thong-cong-lap-468478.aspx)*ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lí trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập; Thông tư số*[*28/2020/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-32-2020-tt-bgddt-dieu-le-truong-trung-hoc-co-so-truong-trung-hoc-pho-thong-443627.aspx)*ngày 04/9/2020 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành Điều lệ trường tiểu học.* [↑](#footnote-ref-30)
31. *Chỉ thị số*[*138/CT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/chi-thi-138-ct-bgddt-2019-chan-chinh-tinh-trang-lam-dung-ho-so-so-sach-trong-nha-truong-405319.aspx)*ngày 18/01/2019 của Bộ trưởng Bộ GDĐT về việc chấn chỉnh tình trạng lạm dụng hồ sơ, sổ sách trong nhà trường.* [↑](#footnote-ref-31)
32. *Thông tư số*[*21/2014/TT-BGDĐT*](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/giao-duc/thong-tu-21-2014-tt-bgddt-quan-ly-su-dung-xuat-ban-pham-tham-khao-mam-non-pho-thong-238470.aspx)*Quy định về quản lí và sử dụng xuất bản phẩm tham khảo trong các cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên.* [↑](#footnote-ref-32)